**Phụ lục**

(Kèm theo Nghị định số…/NĐ-CP ngày…tháng… năm 2022 của Chính phủ)

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 01 | Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất |
| Mẫu số 02 | Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký |
| Mẫu số 03 | Phiếu yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất |
| Mẫu số 04 | Phiếu yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất |
| Mẫu số 05 | Danh mục hợp đồng bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký |
| Mẫu số 06 | Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay |
| Mẫu số 07 | Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu bay |
| Mẫu số 08 | Phiếu yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay |
| Mẫu số 09 | Phiếu yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu bay |
| Mẫu số 10 | Danh mục hợp đồng bảo đảm bằng tàu bay đã đăng ký |
| Mẫu số 11 | Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay |
| Mẫu số 12 | Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu bay đã đăng ký |
| Mẫu số 13 | Giấy chứng nhận xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay |
| Mẫu số 14 | Giấy chứng nhận đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu bay |
| Mẫu số 15 | Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển |
| Mẫu số 16 | Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã đăng ký |
| Mẫu số 17 | Phiếu yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển |
| Mẫu số 18 | Phiếu yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu biển |
| Mẫu số 19 | Danh mục hợp đồng bảo đảm bằng tàu biển đã đăng ký |
| Mẫu số 20 | Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển |
| Mẫu số 21 | Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã đăng ký |
| Mẫu số 22 | Giấy chứng nhận xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển |
| Mẫu số 23 | Giấy chứng nhận đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu biển |
| Mẫu số 24 | Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung |
| Mẫu số 25 | Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng động sản không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung đã đăng ký |
| Mẫu số 26 | Phiếu yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng bằng động sản không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung |
| Mẫu số 27 | Phiếu yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là động sản không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung |
| Mẫu số 28 | Danh mục số đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung |
| Mẫu số 29 | Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã được đăng ký tập trung |
| Mẫu số 30 | Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu bay |
| Mẫu số 31 | Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển |
| Mẫu số 32 | Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng động sản không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung |
| Mẫu số 33 | Phiếu yêu cầu cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm |

Mẫu số 01

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------**  *………., ngày ... tháng ... năm …...*  **PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**  (Ban hành kèm theo Nghị định số…./NĐ-CP ngày…. tháng… năm 2022 của Chính phủ)  ***Kính gửi:*** ………………………………………………  ………………………………………………………….. | **PHẦN GHI CỦA CÁN BỘ TIẾP NHẬN** | |
| **Vào Sổ tiếp nhận hồ sơ:**  *Quyển số ……… Số thứ tự ……………..* | |
|  | **Cán bộ tiếp nhận** (ký và ghi rõ họ, tên) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN KÊ KHAI CỦA CÁC BÊN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG BẢO ĐẢM** | | | | |
| **Loại đăng ký: Thế chấp** | | | **Bảo lưu quyền sở hữu** | |
| **Người yêu cầu đăng ký:** | Bên bảo đảm | | | Bên nhận bảo đảm |
|  | Người đại diện của bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm | | | Quản tài viên/Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản |
| **1. Bên bảo đảm**  1.1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: *(viết chữ IN HOA)* ………………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………………  1.2. Địa chỉ liên hệ: ………………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………………  1.3. Số điện thoại *(nếu có):* …………… Fax *(nếu có):* ………….. Thư điện tử *(nếu có):*  1.4. Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Chứng minh QĐND Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu  G Mã số doanh nghiệp Mã số thuế Giấy chứng nhận đăng ký (nếu có)  Giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác:  Số: ………………………………………………………………………………………………….  Cơ quan cấp …………………………… cấp ngày ………… tháng …………… năm…………... | | | | |
| **2. Bên nhận bảo đảm**  2.1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: *(viết chữ IN HOA)* ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  2.2. Địa chỉ liên hệ: ………………………………………………………………………………………..………….…………………………………………………………………………………………………………  2.3. Số điện thoại *(nếu có):* …………… Fax *(nếu có):* ………….. Thư điện tử *(nếu có):* …………  2.4. Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Chứng minh QĐND Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu  Mã số doanh nghiệp Mã số thuế Giấy chứng nhận đăng ký (nếu có)  Giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác:…………..……………………………………………  Số: ………………………………………………………………………………………………….  Cơ quan cấp …………………………… cấp ngày ………… tháng …………… năm.………..… | | | | |
| **3. Mô tả tài sản bảo đảm**  **3.1. Quyền sử dụng đất**  3.1.1. Thửa đất số: ……………………….; Tờ bản đồ số (*nếu có*): …..…………………………..  Mục đích sử dụng đất:………………………………………………………………………………  Thời hạn sử dụng đất:………………………………………………………………………………  3.1.2. Địa chỉ thửa đất:.……………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………………  3.1.3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:  *Số phát hành: ……………………………, số vào sổ cấp giấy: ………………………..…………………*  *Cơ quan cấp: ……………………………., cấp ngày …….. tháng ……. năm …………..………………*  **3.2. Tài sản gắn liền với đất; tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở**  3.2.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:  *Số phát hành: …………………… , số vào sổ cấp giấy:…………………………………………………..*  *Cơ quan cấp: ………………………………… , cấp ngày ….. tháng …. năm ……………………..……*  3.2.2. Số của thửa đất nơi có tài sản: ……………….; Tờ bản đồ số *(nếu có):*…………………….  3.2.3. Mô tả tài sản gắn liền với đất/tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai: …………  ………………………………………………………………………………………………………  **3.3. Nhà ở hình thành trong tương lai thuộc dự án xây dựng nhà ở**  3.3.1. Tên và địa chỉ dự án có nhà ở hình thành trong tương lai:…………………………………..  ………………………………………………………………………………………………………  3.3.2. Loại nhà ở: Căn hộ chung cư; Nhà biệt thự; Nhà liền kề.  3.3.3. Vị trí căn hộ chung cư/ nhà biệt thự/ nhà liền kề:…………………………………………..  (đối với căn hộ chung cư: Vị trí tầng: ………………….. ; Số của căn hộ:………………………;  Tòa nhà………………………….………………………………………………………………...)  3.3.4. Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai (nếu có):  *Số hợp đồng (nếu có): ……………………………………, ký kết ngày ….. tháng …… năm ………*  **3.4. Dự án xây dựng nhà ở**  3.4.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (nếu có):  *Số phát hành: …………………, số vào sổ cấp giấy: …………………………………………….……....*  *Cơ quan cấp: …………………………………………., cấp ngày ……. tháng ……. năm ……….……..*  3.4.2. Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền  *Số: ……………………………………………………………………………………………………….……..*  *Cơ quan cấp: …………………………………………., cấp ngày ……. tháng ……. năm ……………..*  3.4.3. Số của thửa đất nơi có dự án xây dựng nhà ở: …………. ; Tờ bản đồ số *(nếu có):* ……….  3.4.4. Tên dự án xây dựng nhà ở: ………………………………………………………………….  3.4.5. Mô tả dự án xây dựng nhà ở: ………………….…………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………  **3.5. Nhà ở hình thành trong tương lai không thuộc dự án xây dựng nhà ở**  3.5.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:  *Số phát hành: …………………, số vào sổ cấp giấy: ……………………………….…………………….*  *Cơ quan cấp: …………………………………………., cấp ngày ….. tháng …… năm …………..…….*  3.5.2. Số của thửa đất nơi có nhà ở hình thành trong tương lai: ….; Tờ bản đồ số (*nếu có*): ……..  3.5.3. Mô tả nhà ở hình thành trong tương lai:………………………………………………….….  ……………………………………………………………………………………………………… | | | | |
| **4. Nghĩa vụ được bảo đảm:** | | | | |
| **5. Hợp đồng bảo đảm:** số *(nếu có)* …………………………, thời điểm có hiệu lực: ngày ….. tháng ….. năm ……. | | | | |
| **6. Thuộc đối tượng không phải nộp phí đăng ký** | | | | |
| **7. Tài liệu kèm theo:** ……….……………………………………………………………………………..…………….………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… | | | | |
| **8. Phương thức nhận kết quả đăng ký:** | | Nhận trực tiếp  Nhận qua đường bưu điện (ghi rõ địa chỉ)  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… | | |
| ***Các bên cam đoan những thông tin được kê khai trên Phiếu yêu cầu này là trung thực, đầy đủ, phù hợp với thỏa thuận của các bên, đồng ý với việc công khai thông tin và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.*** | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN BẢO ĐẢM (HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA BÊN BẢO ĐẢM)** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu, nếu có)* | **BÊN NHẬN BẢO ĐẢM (HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/QUẢN TÀI VIÊN, DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN)** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu, nếu có)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ** | |
| **Văn phòng Đăng ký đất đai:………………………………………………………………………**  **Chứng nhận việc bảo đảm ..……………………………………………………………………... đã được đăng ký theo những nội dung kê khai tại Phiếu yêu cầu này tại thời điểm .... giờ.... phút, ngày.... tháng.... năm…….** | |
|  | ***…………, ngày …. tháng …… năm ……*** **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ** *(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)* |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI**

**1. Hướng dẫn chung**

1.1. Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

1.2. Đối với phần kê khai mà có nhiều lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn

**2. Kê khai về bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm:**

2.1. Tại điểm 1.4 và điểm 2.4: Nếu bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm là cá nhân trong nước thì kê khai họ tên, địa chỉ nơi thường trú hoặc nơi cư trú khác theo quy định của pháp luật, số chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc chứng minh được cấp theo Luật sỹ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (gọi chung là Chứng minh quân đội) hoặc giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác theo quy định của pháp luật; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài thì kê khai số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu, họ tên, địa chỉ (nếu có); nếu là tổ chức thì kê khai tên, địa chỉ trụ sở, mã số doanh nghiệp đối với tổ chức là doanh nghiệp, mã số thuế hoặc số giấy chứng nhận đăng ký (nếu có) đối với tổ chức khác, người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

Nếu bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm là pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh của mình thì chi nhánh kê khai thông tin của mình theo hướng dẫn tại điểm này.

2.2. Khi cần kê khai thêm về bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm mà không còn chỗ ghi tại Mẫu số 01 thì người yêu cầu đăng ký lập thêm trang bổ sung để kê khai tiếp.

**3. Mô tả về tài sản bảo đảm:**

3.1. Trường hợp tài sản bảo đảm không bao gồm quyền sử dụng đất thì không kê khai nội dung về quyền sử dụng đất tại điểm 3.1.

3.2. Tại điểm 3.2.3: Kê khai như sau:

a) Nếu tài sản bảo đảm là nhà thì phải kê khai loại nhà (nhà ở, nhà xưởng, nhà kho, ...), số tầng, địa chỉ nhà đó.

b) Trường hợp tài sản bảo đảm là nhà chung cư thì ghi tên của nhà chung cư, số tầng, tổng số căn hộ, địa chỉ nhà chung cư đó.

c) Trường hợp tài sản bảo đảm là căn hộ trong nhà chung cư thì ghi "căn hộ chung cư" và ghi số của căn hộ, tầng số của căn hộ, địa chỉ nhà chung cư đó.

d) Trường hợp tài sản bảo đảm là công trình hạ tầng kỹ thuật thì ghi loại công trình hạ tầng, tên từng hạng mục công trình và diện tích chiếm đất của hạng mục công trình đó. Đối với công trình kiến trúc khác thì ghi tên công trình, địa chỉ nơi có công trình.

đ) Trường hợp tài sản bảo đảm là cây rừng, cây lâu năm thì ghi loại cây rừng, loại cây lâu năm, diện tích, địa chỉ nơi có cây rừng, cây lâu năm.

3.2. Tại điểm 3.4.1: Kê khai thông tin về số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của nơi có dự án xây dựng nhà ở; trường hợp không có Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì kê khai thông tin về Quyết định giao đất, cho thuê đất tại điểm 3.4.2.

3.3. Khi cần kê khai thêm về tài sản bảo đảm mà không còn chỗ ghi tại Mẫu số 01 thì người yêu cầu đăng ký lập thêm trang bổ sung để kê khai tiếp.

**4. Mục Nghĩa vụ được bảo đảm**

Thông tin về nghĩa vụ không bắt buộc phải kê khai, trừ trường hợp nghĩa vụ được bảo đảm là nghĩa vụ trong tương lai.

**5. Mục bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm ký tên:**

5.1. Trường hợp người đại diện của bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm là cá nhân thì ký, ghi rõ họ tên của người đại diện:

Trường hợp người đại diện của bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm là pháp nhân thì ký, ghi rõ họ tên, chức vụ của người đại diện hợp pháp của pháp nhân và đóng dấu của pháp nhân là đại diện.

5.2. Trường hợp người yêu cầu đăng ký bảo đảm là Quản tài viên thì Quản tài viên phải ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu vào Phiếu yêu cầu tại phần chữ ký, con dấu bên nhận bảo đảm, đồng thời bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm không phải ký và đóng dấu vào Phiếu yêu cầu.

Mẫu số 02

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------**  *………., ngày ... tháng ... năm …...*  **PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**  (Ban hành kèm theo Nghị định số…./NĐ-CP ngày…. tháng… năm 2022 của Chính phủ)  ***Kính gửi:*** ………………………………………….  ………………………………………………………… | **PHẦN GHI CỦA CÁN BỘ TIẾP NHẬN** | |
| **Vào Sổ tiếp nhận hồ sơ:**  *Quyển số …………. Số thứ tự …………..* | |
|  | **Cán bộ tiếp nhận** (ký và ghi rõ họ, tên) |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI** | | | | | | |
| **Người yêu cầu đăng ký thay đổi:** | | Bên bảo đảm | | | Bên nhận bảo đảm | |
| Người đại diện của bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm | | | Quản tài viên, Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản | |
| 1.1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: *(viết chữ IN HOA)* ……………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………………………………..  1.2. Địa chỉ liên hệ: ………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………………………….………….  1.3. Số điện thoại *(nếu có):* ………………………….. Fax *(nếu có):*………………….…………  Địa chỉ thư điện tử *(nếu có):* ……………………………..………………………………………..  1.4. Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Chứng minh QĐND Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu  Mã số doanh nghiệp Mã số thuế Giấy chứng nhận đăng ký (nếu có)  Giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác: ………………………………………………………  *Số: ……………………………………………………………………………………………………..……….*  *Cơ quan cấp …………………………… cấp ngày ………… tháng …………… năm ……….…………* | | | | | | |
| **2. Mô tả tài sản bảo đảm đã đăng ký:**  **2.1. Quyền sử dụng đất**  2.1.1. Thửa đất số: ……………………….; Tờ bản đồ số (*nếu có*):…………………………….;  Mục đích sử dụng đất: ……………………………………………………………………………  Thời hạn sử dụng đất: ……………………………………………………………………………  2.1.2. Địa chỉ thửa đất: …………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………………………  2.1.3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:  Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:  *Số phát hành: ……………………………, số vào sổ cấp giấy: ………………………………………*  *Cơ quan cấp: ……………………………., cấp ngày …….. tháng ………. năm ……………………*  **2.2. Tài sản gắn liền với đất; tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở**  2.2.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:  *Số phát hành: …………………… , số vào sổ cấp giấy:*  *Cơ quan cấp: ………………………………… , cấp ngày ….. tháng ……. năm ………….……………*  2.2.2. Số của thửa đất nơi có tài sản: ……………….; Tờ bản đồ số *(nếu có):*………..………….  2.2.3. Mô tả tài sản gắn liền với đất/tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai: ………….………….………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..  **2.3. Nhà ở hình thành trong tương lai thuộc dự án xây dựng nhà ở**  2.3.1. Tên và địa chỉ dự án có nhà ở hình thành trong tương lai:…………………………………..  ………………………………………………………………………………………………………  2.3.2. Loại nhà ở: Căn hộ chung cư; Nhà biệt thự; Nhà liền kề.  2.3.3. Vị trí căn hộ chung cư/ nhà biệt thự/ nhà liền kề:…………………………………………..  (đối với căn hộ chung cư: Vị trí tầng: …………………..; Số của căn hộ:………………………;  Tòa nhà ………………………….………………………………………………………………...)  2.3.4. Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai (nếu có):  *Số hợp đồng (nếu có): ……………………………………, ký kết ngày ….. tháng …… năm ………*  **2.4. Dự án xây dựng nhà ở**  2.4.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (nếu có):  *Số phát hành: …………………, số vào sổ cấp giấy: ………………..…………………………………..*  *Cơ quan cấp: …………………………………………., cấp ngày …….. tháng ……. năm …………….*  2.4.2. Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền  *Số: ……………………………………………………………………………………………………….……..*  *Cơ quan cấp: …………………………………………., cấp ngày …….. tháng ……. năm …………….*  2.4.3. Số của thửa đất nơi có dự án xây dựng nhà ở: ………….; Tờ bản đồ số *(nếu có):* …….  2.4.4. Tên dự án xây dựng nhà ở: ………………………………………………………………….  2.4.5. Mô tả dự án xây dựng nhà ở: ……………………………………………………………….  ……………………………………………………………………………………………………...  **2.5. Nhà ở hình thành trong tương lai không thuộc dự án xây dựng nhà ở**  2.5.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:  *Số phát hành: …………………, số vào sổ cấp giấy: ………………………………………………….*  *Cơ quan cấp: …………………………………………., cấp ngày …….. tháng ……. năm ………….*  2.5.2. Số của thửa đất nơi có nhà ở hình thành trong tương lai: …..; Tờ bản đồ số (*nếu có*): ….  2.5.3. Mô tả nhà ở hình thành trong tương lai:…………………………………………………… | | | | | | |
| **3. Nội dung yêu cầu thay đổi**  ………………………..……………………………………………..…………………………………………………………………..…………………………………………..……………………………………………………………………..………………………………….….…………………………………………………………………………..…………………………….….………………………………………………………………………………..……………………….….……………………………………………………………………………………………………………………………………………… | | | | | | |
| **4. Hợp đồng bảo đảm:** số *(nếu có)* ……………………., thời điểm có hiệu lực: ngày …. tháng …… năm …….. | | | | | | |
| **5. Thuộc đối tượng không phải nộp phí đăng ký** | | | | | | |
| **6. Tài liệu kèm theo:** …………………………………………………………………………………..…..………………………………………………………………………………………………………………..………………..…………………………………………………………………………………..…………..…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….………………………………………………………………………………………………………………. | | | | | | |
| **7. Phương thức nhận kết quả đăng ký:** | | | Nhận trực tiếp  Nhận qua đường bưu điện (ghi rõ địa chỉ)  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….... | | | |
| ***Các bên cam đoan những thông tin được kê khai trên Phiếu yêu cầu này là trung thực, đầy đủ, phù hợp với thỏa thuận của các bên, đồng ý công khai thông tin và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.*** | | | | | | |
| **BÊN BẢO ĐẢM (HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA BÊN BẢO ĐẢM)** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu, nếu có)* | | | **BÊN NHẬN BẢO ĐẢM (HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/QUẢN TÀI VIÊN, DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN)** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu, nếu có)* | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ** | |
| **Văn phòng Đăng ký đất đai:…………………………………………………………………………… Chứng nhận việc thay đổi ………………………………………………………. đã được đăng ký theo những nội dung kê khai tại Phiếu yêu cầu này tại thời điểm .... giờ.... phút, ngày.... tháng.... năm ……** | |
|  | ***…………, ngày …. tháng …… năm ……*** **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ** *(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)* |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI**

**1. Hướng dẫn chung**

1.1. Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

1.2. Đối với phần kê khai mà có nhiều lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn

**2. Kê khai về người yêu cầu đăng ký:**

Tại Mục 1: Nếu bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm là cá nhân trong nước thì kê khai họ tên, địa chỉ nơi thường trú hoặc nơi cư trú khác theo quy định của pháp luật, số chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc chứng minh được cấp theo Luật sỹ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (gọi chung là Chứng minh quân đội) hoặc giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác theo quy định của pháp luật; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài thì kê khai số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu, họ tên, địa chỉ (nếu có); nếu là tổ chức thì kê khai tên, địa chỉ trụ sở, mã số doanh nghiệp đối với tổ chức là doanh nghiệp, mã số thuế hoặc số giấy chứng nhận đăng ký (nếu có) đối với tổ chức khác, người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

Nếu bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm là pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh của mình thì chi nhánh kê khai thông tin của mình theo hướng dẫn tại điểm này.

**3. Mô tả về tài sản bảo đảm đã đăng ký:**

3.1. Tại Mục 2: Kê khai đầy đủ thông tin về tài sản bảo đảm đúng với thông tin đã đăng ký

3.3. Khi cần kê khai thêm về tài sản bảo đảm mà không còn chỗ ghi tại Mẫu số 02 thì người yêu cầu đăng ký lập thêm trang bổ sung để kê khai tếp.

**4. Mục bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm ký tên:**

4.1. Trường hợp người đại diện của bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm là cá nhân thì ký, ghi rõ họ tên của người đại diện;

Trường hợp người đại diện của bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm là pháp nhân thì ký, ghi rõ họ tên, chức vụ của người đại diện hợp pháp của pháp nhân và đóng dấu của pháp nhân là đại diện.

Trường hợp người yêu cầu đăng ký là Quản tài viên thì Quản tài viên phải ký và đóng dấu vào Phiếu yêu cầu tại phần chữ ký, con dấu bên nhận bảo đảm, đồng thời bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm không phải ký và đóng dấu vào Phiếu yêu cầu.

Mẫu số 03

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------**  *………., ngày ... tháng ... năm …...*  **PHIẾU YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**  (Ban hành kèm theo Nghị định số…. /NĐ-CP ngày … tháng … năm 2021 của Chính phủ  ***Kính gửi:*** ………………………………………….  ……………………………………………………… | **PHẦN GHI CỦA CÁN BỘ TIẾP NHẬN** | |
| **Vào Sổ tiếp nhận hồ sơ:**  *Quyển số ……………. Số thứ tự ……………..* | |
|  | **Cán bộ tiếp nhận** (ký và ghi rõ họ, tên) |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ** | | | | |
| **1. Người yêu cầu xóa đăng ký:** | Bên bảo đảm | | Bên nhận bảo đảm | Người nhận chuyển giao tài sản |
|  | Người đại diện của bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm  Chủ thể khác | | Quản tài viên, Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản | Cơ quan thi hành án dân sự |
| 1.1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: *(viết chữ IN HOA)* ……………………………………………………………………….……………..……………………………………………………………………………………….……………………………..  1.2. Địa chỉ liên hệ: ……………………………………………………………………….………………..………………………………………………………………………………………………..………………….  1.3. Số điện thoại *(nếu có):* ……………………..… Fax *(nếu có):..*………………………………  Địa chỉ thư điện tử *(nếu có):* ………..……………………………………………………………..  1.4. Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Chứng minh QĐND Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu  Mã số doanh nghiệp Mã số thuế Giấy chứng nhận đăng ký (nếu có)  Giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác:…………………………..……………………………  *Số: …………………………………………………………………………………..………………………….*  *Cơ quan cấp ……………………………. cấp ngày …….… tháng ……… năm …………………..……* | | | | |
| **2.** Căn cứ xóa đăng ký: …………………………………………………………………………… | | | | |
| **3. Bên bảo đảm**  3.1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: *(viết chữ IN HOA)* ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...  3.2. Địa chỉ liên hệ: ……………………………………………………………………………………..…………….…………………………………………………………………………………………………………………..  3.3. Số điện thoại *(nếu có):* …………… Fax *(nếu có):* ………….. Thư điện tử *(nếu có):* ……………  3.4. Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Chứng minh QĐND Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu  G Mã số doanh nghiệp Mã số thuế Giấy chứng nhận đăng ký (nếu có)  Giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác: ……………………………………………………………  Số: …………………………………………………………..……………………………………….….  Cơ quan cấp …………………………… cấp ngày ………… tháng ……… năm ……………….…… | | | | |
| **4. Mô tả tài sản bảo đảm đã đăng ký:**  **4.1. Quyền sử dụng đất**  4.1.1. Thửa đất số: ……………………….; Tờ bản đồ số *(nếu có):.*…………………………….;  Mục đích sử dụng đất:…………………………………………………………………………….  Thời hạn sử dụng đất:……………………………………………………………………………..  4.1.2. Địa chỉ thửa đất: …………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………………………  4.1.3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:  *Số phát hành: ……………………………, số vào sổ cấp giấy: ………………………………………*  *Cơ quan cấp: ……………………………., cấp ngày …….. tháng ………. năm ……………………*  **4.2. Tài sản gắn liền với đất; tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở**  4.2.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:  *Số phát hành: …………………… , số vào sổ cấp giấy: ……………………………………………..*  *Cơ quan cấp: ………………………………… , cấp ngày ….. tháng ……. năm ……………………*  4.2.2. Số của thửa đất nơi có tài sản: ……………….; Tờ bản đồ số *(nếu có):* …………………….  4.2.3. Mô tả tài sản gắn liền với đất/tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai: …………  **4.3. Nhà ở hình thành trong tương lai thuộc dự án xây dựng nhà ở**  4.3.1. Tên và địa chỉ dự án có nhà ở hình thành trong tương lai: ………………………………..  ……………………………………………………………………………………………………  4.3.2. Loại nhà ở: Căn hộ chung cư; Nhà biệt thự; Nhà liền kề.  4.3.3. Vị trí căn hộ chung cư/ nhà biệt thự/ nhà liền kề:…………………………………………  ………………………………………………………………………………………………………………...  (đối với căn hộ chung cư: Vị trí tầng: …………………..; Số của căn hộ: ………………………;  Tòa nhà ………………………….………………………………………………………………...)  4.3.4. Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai (nếu có):  *Số hợp đồng (nếu có): ……………………………………, ký kết ngày ….. tháng …… năm ………*  **4.4. Dự án xây dựng nhà ở**  4.4.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (nếu có):  *Số phát hành: …………………, số vào sổ cấp giấy: ………………………………………………..*  *Cơ quan cấp: …………………………………………., cấp ngày …….. tháng ……. năm ………..*  4.4.2. Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền  *Số: ………………………………………………………………………………………………………..*  *Cơ quan cấp: …………………………………………., cấp ngày …….. tháng ……. năm ………..*  4.4.3. Số của thửa đất nơi có dự án xây dựng nhà ở: ………….; Tờ bản đồ số *(nếu có):* …….  4.4.4. Tên dự án xây dựng nhà ở: ………………………………………………………………….  4.4.5. Mô tả dự án xây dựng nhà ở:……………………………………………………………….  ……………………………………………………………………………………………………  **4.5. Nhà ở hình thành trong tương lai không thuộc dự án xây dựng nhà ở**  4.5.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:  *Số phát hành: …………………, số vào sổ cấp giấy: ………………………………………………….*  *Cơ quan cấp: …………………………………………., cấp ngày …….. tháng ……. năm ………….*  4.5.2. Số của thửa đất nơi có nhà ở hình thành trong tương lai: ……; Tờ bản đồ số (*nếu có*): ….  4.5.3. Mô tả nhà ở hình thành trong tương lai: ……………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………………………..………………………………………………………………………………………… | | | | |
| **5. Hợp đồng bảo đảm:** số *(nếu có)* …………………………, thời điểm có hiệu lực: ngày ….. tháng ….. năm ……. | | | | |
| **6. Thuộc đối tượng không phải nộp phí đăng ký** | | | | |
| **7. Tài liệu kèm theo:** ……………………………………………………………………………………..………………………………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………..……………………………..…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….………………………. | | | | |
| **8. Phương thức nhận kết quả đăng ký:** | | Nhận trực tiếp  Nhận qua đường bưu điện (ghi rõ địa chỉ)  ………………………………………………………………………………………………………………………………………… | | |
| ***Các bên cam đoan những thông tin được kê khai trên Phiếu yêu cầu này là trung thực, đầy đủ, phù hợp với thỏa thuận của các bên, đồng ý công khai thông tin và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.*** | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN BẢO ĐẢM (HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA BÊN BẢO ĐẢM)** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu, nếu có)* | **BÊN NHẬN BẢO ĐẢM (HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/QUẢN TÀI VIÊN, DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN/NGƯỜI NHẬN CHUYỂN GIAO TÀI SẢN/CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ)** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu, nếu có)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ** | |
| **Văn phòng Đăng ký đất đai: ….………………………………………………………………………..**  **Chứng nhận đã xóa đăng ký bảo đảm theo những nội dung được kê khai tại Phiếu yêu cầu này tại thời điểm .... giờ.... phút, ngày.... tháng.... năm …….** | |
|  | ***………………, ngày …. tháng …… năm ………….*** **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ** *(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)* |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI**

**1. Hướng dẫn chung**

1.1. Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

1.2. Đối với phần kê khai mà có nhiều lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn

**2.Kê khai về người yêu cầu xóa đăng ký**

2.1. Người yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc trường hợp nào trong số các trường hợp liệt kê tại khoản này thì đánh dấu (X) vào ô tương ứng với trường hợp đó.

2.2. Tại điểm 1.4: Nếu bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm là cá nhân trong nước thì kê khai họ tên, địa chỉ nơi thường trú hoặc nơi cư trú khác theo quy định của pháp luật, số chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc chứng minh được cấp theo Luật sỹ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (gọi chung là Chứng minh quân đội) hoặc giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác theo quy định của pháp luật; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài thì kê khai số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu, họ tên, địa chỉ (nếu có); nếu là tổ chức thì kê khai tên, địa chỉ trụ sở, mã số doanh nghiệp đối với tổ chức là doanh nghiệp, mã số thuế hoặc số giấy chứng nhận đăng ký (nếu có) đối với tổ chức khác, người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

Nếu bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm là pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh của mình thì chi nhánh kê khai thông tin của mình theo hướng dẫn tại điểm này.

**3. Mục mô tả tài sản bảo đảm đã đăng ký:**

3.1. Kê khai các thông tin về tài sản bảo đảm đúng như nội dung đã đăng ký.

3.2. Trường hợp trong Biểu mẫu số 03 không còn chỗ ghi nội dung kê khai về tài sản cần xóa đăng ký thì người yêu cầu đăng ký lập trang bổ sung để kê khai tiếp.

**4. Mục bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm ký tên:**

4.1. Trường hợp người đại diện của bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm là cá nhân thì ký, ghi rõ họ tên của người đại diện;

Trường hợp người đại diện của bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm là pháp nhân thì ký, ghi rõ họ tên, chức vụ của người đại diện hợp pháp của pháp nhân và đóng dấu (nếu có) của pháp nhân là đại diện.

4.2. Trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là Quản tài viên thì Quản tài viên phải ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu vào phiếu yêu cầu tại phần chữ ký, con dấu bên nhận bảo đảm, đồng thời bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm không phải ký và đóng dấu vào phiếu yêu cầu.

4.3. Trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là người nhận chuyển giao tài sản; Cơ quan thi hành án dân sự đã kê biên và xử lý tài sản xong bảo đảm thì người mua tài sản thi hành án, Cơ quan thi hành án dân sự, phải ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có) vào phiếu yêu cầu tại phần chữ ký, con dấu của bên nhận bảo đảm; đồng thời bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm không phải ký và đóng dấu vào phiếu yêu cầu.

Mẫu số 04

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------**  *………., ngày ... tháng ... năm …...*  **PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ VĂN BẢN THÔNG BÁO VỀ VIỆC XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM LÀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**  (Ban hành kèm theo Nghị định số…./NĐ-CP ngày…. tháng…. năm…. của Chính phủ)  ***Kính gửi:*** ………………………………………….  ………………………………………………………. | **PHẦN GHI CỦA CÁN BỘ TIẾP NHẬN** | |
| **Vào Sổ tiếp nhận hồ sơ:**  *Quyển số ……………. Số thứ tự ……………..* | |
|  | **Cán bộ tiếp nhận** (ký và ghi rõ họ, tên) |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI YÊU CẦU ĐĂNG KÝ VĂN BẢN THÔNG BÁO** | | | |
| **1. Người yêu cầu đăng ký văn bản thông báo:** | Bên nhận bảo đảm | | Bên đại diện của nhận bảo đảm |
| Quản tài viên; Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản | |  |
| 1.1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân: *(viết chữ IN HOA)* …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  1.2. Địa chỉ liên hệ: …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  1.3. Số điện thoại *(nếu có):* ……………………… Fax *(nếu có):* ……………………………………..  Địa chỉ thư điện tử *(nếu có):* ……………………………………………………………………………..  1.4. Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Chứng minh QĐND Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu  Mã số doanh nghiệp Mã số thuế Giấy chứng nhận đăng ký (nếu có)  Giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác: ………………………………………………………………  *Số: ………………………………………………………………………………………………………….*  *Cơ quan cấp …………………………… cấp ngày ………… tháng …………… năm ………………* | | | |
| **2. Mô tả tài sản bảo đảm đã đăng ký:**  **2.1. Quyền sử dụng đất**  2.1.1. Thửa đất số: ……………………….; Tờ bản đồ số *(nếu có):* ………………………………….;  Mục đích sử dụng đất: ……………………………………………………………………………………  Thời hạn sử dụng đất: ……………………………………………………………………………………  2.1.2. Địa chỉ thửa đất: …………………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………………………………  2.1.4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:  Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:  *Số phát hành: ……………………………, số vào sổ cấp giấy: ………………………………………*  *Cơ quan cấp: ……………………………., cấp ngày …….. tháng ………. năm ……………………*  **2.2. Tài sản gắn liền với đất; tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở**  2.2.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:  *Số phát hành: …………………… , số vào sổ cấp giấy: ……………………………………………..*  *Cơ quan cấp: ………………………………… , cấp ngày ….. tháng ……. năm ……………………*  2.2.2. Số của thửa đất nơi có tài sản: ……………….; Tờ bản đồ số *(nếu có):* …………………….  2.2.3. Mô tả tài sản gắn liền với đất/tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai: …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  **2.3. Nhà ở hình thành trong tương lai thuộc dự án xây dựng nhà ở**  2.3.1. Tên và địa chỉ dự án có nhà ở hình thành trong tương lai: …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  2.3.2. Loại nhà ở: Căn hộ chung cư; □ Nhà biệt thự; □ Nhà liền kề.  2.3.3. Vị trí căn hộ chung cư/ nhà biệt thự/ nhà liền kề: ……………………………………………..  (đối với căn hộ chung cư: Vị trí tầng: ………………….. ; Số của căn hộ: …………………………;  Tòa nhà……………………………….………………………………………………………………...)  2.3.4. Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai (nếu có):  *Số hợp đồng (nếu có): ……………………………………, ký kết ngày ….. tháng …… năm ………*  **2.4. Dự án xây dựng nhà ở**  2.4.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (nếu có):  *Số phát hành: …………………, số vào sổ cấp giấy: ………………………………………………..*  *Cơ quan cấp: …………………………………………., cấp ngày …….. tháng ……. năm ………..*  2.4.2. Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền  *Số: ………………………………………………………………………………………………………..*  *Cơ quan cấp: …………………………………………., cấp ngày …….. tháng ……. năm ………..*  2.4.3. Số của thửa đất nơi có dự án xây dựng nhà ở: ………….; Tờ bản đồ số *(nếu có):* …….  2.4.4. Tên dự án xây dựng nhà ở: …………………………………………………………………….  2.4.5. Mô tả dự án xây dựng nhà ở: ………………………………………………………………….  …………………………………………………………………………………………………………….  **2.5. Nhà ở hình thành trong tương lai không thuộc dự án xây dựng nhà ở**  2.5.1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:  *Số phát hành: …………………, số vào sổ cấp giấy: ………………………………………………….*  *Cơ quan cấp: …………………………………………., cấp ngày …….. tháng ……. năm ………….*  2.5.2. Số của thửa đất nơi có nhà ở hình thành trong tương lai: ……; Tờ bản đồ số (*nếu có*): ….  2.5.3. Mô tả nhà ở hình thành trong tương lai: ……………………………………………………………………………………………………………………………..……………………………………………..…………………………………………………………………..………………………………………..………………………………………………………………………..………………………………..………………………………………………………………………………..……………………..…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………. | | | |
| **3. Hợp đồng bảo đảm:** số *(nếu có)* ……………………., ký kết ngày ……. tháng …… năm …….. | | | |
| **4. Thuộc đối tượng không phải nộp lệ phí đăng ký** | | | |
| **5. Tài sản bảo đảm bị xử lý:**  Xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm  Xử lý một phần tài sản thế chấp, gồm:  ……………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………. | | | |
| **6. Thời gian và địa điểm xử lý tài sản:** …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………………….………………………………………………………………………………………………………………………………………………… | | | |
| **7. Phương thức nhận kết quả đăng ký:** | | Nhận trực tiếp  Nhận qua đường bưu điện (ghi rõ địa chỉ):……………………………………………….…………………… | |
| ***Người yêu cầu đăng ký văn bản thông báo cam đoan những thông tin được kê khai trên Phiếu yêu cầu này là trung thực, đồng ý công khai thông tin và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.*** | | | |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI YÊU CẦU ĐĂNG KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu, nếu có)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ** | |
| **Văn phòng Đăng ký đất đai: …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**  **Chứng nhận đã đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm theo những nội dung kê khai tại Phiếu yêu cầu này tại thời điểm .... giờ.... phút, ngày.... tháng.... năm …….** | |
|  | ***…………, ngày …. tháng …… năm ……*** **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ** *(Ghi rõ chức danh, họ tên, ký và đóng dấu)* |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI**

**1. Hướng dẫn chung**

1.1. Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

1.2. Đối với phần kê khai mà có nhiều lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn

**2. Kê khai về người yêu cầu đăng ký**

2.1. Người yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm thuộc trường hợp nào trong số các trường hợp liệt kê tại khoản này thì đánh dấu (X) vào ô tương ứng với trường hợp đó.

2.2. Tại điểm 1.4: Nếu bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm là cá nhân trong nước thì kê khai họ tên, địa chỉ nơi thường trú hoặc nơi cư trú khác theo quy định của pháp luật, số chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc chứng minh được cấp theo Luật sỹ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (gọi chung là Chứng minh quân đội) hoặc giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác theo quy định của pháp luật; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài thì kê khai số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu, họ tên, địa chỉ (nếu có); nếu là tổ chức thì kê khai tên, địa chỉ trụ sở, mã số doanh nghiệp đối với tổ chức là doanh nghiệp, mã số thuế hoặc số giấy chứng nhận đăng ký (nếu có) đối với tổ chức khác, người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

Nếu bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm là pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh của mình thì chi nhánh kê khai thông tin của mình theo hướng dẫn tại điểm này.

**3. Mô tả tài sản đã đăng ký bảo đảm:**

3.1. Kê khai về tài sản đã đăng ký biện pháp bảo đảm đúng như nội dung đã đăng ký.

3.2. Trường hợp trong Mẫu số 03 không còn chỗ ghi nội dung kê khai về tài sản bảo đảm bị xử lý thì người yêu cầu đăng ký lập trang bổ sung để kê khai tiếp.

**4. Thời gian và địa điểm xử lý tài sản:**

Ghi ngày, tháng, năm và địa điểm xử lý tài sản bảo đảm theo nội dung của văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm đã gửi cho bên bảo đảm.

Mẫu số 05

**Danh mục các hợp đồng bảo đảm bằng quyền sử dụng đất,**

**tài sản gắn liền với đất đã đăng ký**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ** |
|  | ***Phụ lục này là một phần gắn liền với Phiếu yêu cầu đăng ký số: ………………*** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số hợp đồng bảo đảm đã đăng ký (\*)** | **Bên bảo đảm** | **Bên nhận bảo đảm** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI KÊ KHAI** *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

Mẫu số 06

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*…, ngày … tháng … năm …*

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom - Happiness**

*…, day … month … year …*

**PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ**

**BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY**

**APPLICATION FORM FOR AIRCRAFT TYPES OF SECURITY REGISTRATION**

***Kính gửi / To:* Cục Hàng không Việt Nam /** Civil Aviation Authority of Vietnam

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.** **Thông tin chung / General information** | | | | | | | | |
| *1.1. Loại hình đăng ký*/ *Registration type* | | | | | | | | |
| Cầm cố / Pledge | | Thế chấp / Mortgage | | Bảo lưu quyền sở hữu / Title retention | | | | |
| *1.2. Người yêu cầu đăng ký* / Applicant | | | | | | | | |
| Bên bảo đảm / Securing party | | Bên nhận bảo đảm / Secured party | | Người được uỷ quyền / Authorized person | | | | |
| - Họ và tên / Full name .................................................................................................................  - Địa chỉ / Address ..........................................................................................................................  - Số điện thoại / Tel...................................................... Thư điện tử / Email .......................  CMND /Căn cước công dân/ ID Hộ chiếu / PP  Số / No ...................................... do / issued by ................................. cấp ngày /on ...../....../........  Giấy ủy quyền / Authorization document  Giấy tờ khác (ghi cụ thể) / Other (specify) | | | | | | | | |
| *1.3.* *Nhận kết quả đăng ký* / Methods to get registration result | | | Trực tiếp tại cơ quan đăng ký / Directly at the registry  Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận)/* By post *(specify name and address of receiver)* | | | | | |
| **2.** **Bên bảo đảm / Securing party**  - Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA) /* Full name *(write in CAPITAL LETTERS):*  - Địa chỉ / Address:  - Quốc tịch / Nationality: | | | | | | | | |
| **3.** **Bên nhận bảo đảm / Secured party**  - Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA) /* Full name *(write in CAPITAL LETTERS):*  - Địa chỉ / Address:  - Quốc tịch / Nationality: | | | | | | | | |
| **4. Mô tả tài sản cầm cố, thế chấp / Description of security property**  - Số hiệu đăng ký/ Registration Mark:  - Loại tàu bay/ Type of Aircraft:  - Kiểu tàu bay/ Designation of Aircraft:  - Nhà sản xuất/ Manufacturer:  - Số xuất xưởng tàu bay/ Manufacturer’s Serial Number:  - Năm xuất xưởng/ Year of Delivery from the Manufacturer:  - Kiểu loại động cơ/ Designation of Engines:  - Thời điểm hình thành/ Time of Formation: | | | | | | | | |
| **5. Nghĩa vụ được bảo đảm/Secured obligation:** | | | | | | | | |
| **5.** **Hợp đồng bảo đảm / Aircraft security contract**  - Số / No...................; thời điểm có hiệu lực/ effective time ........... ngày/day.......tháng / month............ năm / year ................  - Nghĩa vụ được bảo đảm của giao dịch / Secured obligation of the transaction: ............................................................................................................................................ | | | | | | | | |
| **6.** **Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có/ Attachment to the application form include** | | | | | ***Người thực hiện***  ***đăng ký kiểm tra/ Registrar*** | | |
| *- Hợp đồng bảo đảm* gồm …... trang  *Aircraft security contract including …page(s)* | | | | |  |  |  |
|  |  | | | |  |  |  |
|  |  | | | |  |  |  |
| *- Văn bản ủy quyền (nếu có)* gồm ….. trang  *Authorization document (if any)* including ... page(s) | | | | |  |  |  |
|  |  | | | |  |  |  |
| *- Giấy tờ khác (nếu có)/ Others (if any)* | | | | |  |  |  |
|  |  | | | |  |  |  |
| **7.** ***Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong phiếu này là trung thực, phù hợp với thoả thuận của các bên tham gia biện pháp bảo đảm; đồng ý công khai và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai. /*** *The applicant commits the information stated in the Application form is true and correct, suitable with the agreement of the Parties participating in the secured type, agree to publicize and completely responsible to the law for stated information.* | | | | | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
|  | BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/BÊN BẢO ĐẢM / SECURED PARTY/SECURING PARTY  **(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC** **ỦY QUYỀN/OR AUTHORIZED PERSON)**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có) Signature, full name, position and stamp (if any)* |

|  |
| --- |
| PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRY ONLY |
| Thời điểm tiếp nhận: ***\_ \_ \_***  *giờ* ***\_ \_ \_***  *phút, ngày* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_***  Time of application receiving: ***\_ \_ \_***  *hour* ***\_ \_ \_***  *minute, on* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_ \_***  Cán bộ tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)* / Receiver *(signature and full name)* |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTION TO COMPLETION**

**1. Hướng dẫn chung/ General instructions**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion having different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

**2. Kê khai tại mục/ Complete in item 5** Mỗi đơn yêu cầu chỉ đăng ký một hợp đồng và các phụ lục của hợp đồng đó (nếu có)/ Each application only registers a contract and the annexes of that contract (if any).

Mẫu số 07

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……………………, ngày ………. tháng …….. năm …………..…..*

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom - Happiness**

*……………………, day … month … year …*

**PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG   
BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY ĐÃ ĐĂNG KÝ**

**Application form for change OF registered AIRCRAFT TYPES OF SECURITY content**

***Kính gửi/ To:* Cục Hàng không Việt Nam/ Civil Aviation Authority of Vietnam**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Thông tin chung/ General Information** | | | | | | | |
| *1.1. Loại hình đăng ký/* Registration type | | | | | | | |
| Cầm cố/ Pledge | | Thế chấp/ Mortgage | | Bảo lưu quyền sở hữu/ Title retention | | | |
| *1.2. Người yêu cầu đăng* *ký*/ Applicant | | | | | | | |
| Bên bảo đảm / Securing party | | Bên nhận bảo đảm / Secured party | | Người được uỷ quyền/ Authorized person | | | |
| - Họ và tên/ Full name ....................................................................................................................  - Địa chỉ/Address...........................................................................................................................  - Số điện thoại/ Tel ................................................. Thư điện tử/ Email........................................  CMND/Căn cước công dân/ ID Hộ chiếu/ PP  Số/ No .............................................. do/ issued by ............. cấp ngày/ on ....../........ / ..................  Giấy ủy quyền/ Authorization document  Giấy tờ khác (ghi cụ thể)/ Other (specify) | | | | | | | |
| *1.3. Nhận kết quả đăng ký*/ Methods to get registration result | | | Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/ Directly at the registry  Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận)/* By post *(specify name and address of receiver)* | | | | |
| **2.** **Số Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp**/ Issued registration certificate No.: ........................................................................................................................................................ | | | | | | | | |
| **3.** **Bên bảo đảm/ Securing party**  - Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)/* Full name *(write in CAPITAL LETTERS)*  - Địa chỉ/ Address:  .......................................................................................................................................................  - Quốc tịch/ Nationality: ............................................................................................................ | | | | | | | | |
| **4.** **Bên nhận bảo đảm/ Secured party**  - Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)/* Full name *(write in CAPITAL LETTERS)*  - Địa chỉ/ Address  .......................................................................................................................................................  - Quốc tịch/ Nationality: .............................................................................................................. | | | | | | | | |
| **5. Nội dung thay đổi/ Change content** | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | |
| **6.** **Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có/ Attachment to the application form include** | | | | | ***Người thực hiện***  ***đăng ký kiểm tra/ Registrar*** | | | |
|  |  | | | |  |  |  | |
| *- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm bằng tàu bay hoặc văn bản chứng minh nội dung thay đổi* gồm ... trang  *Contract on amending, supplementing aircraft contract of security or document proving the change content* including ….. page(s) | | | | |  |  |  | |
|  |  | | | |  |  |  | |
| *- Phụ lục số 04./ Annex No.4:* gồm …..trang/including ….. page(s) | | | | |  |  |  | |
|  |  | | | |  |  |  | |
| *- Văn bản ủy quyền (nếu có)* gồm ….. trang  *Authorization document (if any)* including ... page(s) | | | | |  |  |  | |
|  |  | | | |  |  |  | |
| *- Giấy tờ khác (nếu có)/ Others (if any)* | | | | |  |  |  | |
|  |  | | | |  |  |  | |

**7.** ***Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong phiếu yêu cầu này là trung thực, đầy đủ, đồng ý công khai thông tin và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai****/ The applicant commits the information stated in the Application form is true and correct, full, agree to publicize and completely responsible to the law for stated information.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | | BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/BÊN BẢO ĐẢM SECURED PARTY/SECURING PARTY  **(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC** **ỦY QUYỀN/ OR AUTHORIZED PERSON)**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có) Signature, full name, position and stamp (if any)* |
| PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRY ONLY | |
| Thời điểm tiếp nhận: ***\_ \_ \_***  *giờ* ***\_ \_ \_***  *phút, ngày* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_***  Time of application receiving: ***\_ \_ \_***  *hour* ***\_ \_ \_***  *minute, on* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_ \_***  Cán bộ tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*/ Receiver *(signature and full name)*: | |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTIONS TO COMPLETION**

**1. Hướng dẫn chung/ General instructions**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in respective box with chosen content.

**2. Kê khai tại mục/ Complete in item 2 -** Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/ Number of Registration certificate issued by the registry.

Mẫu số 08

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……………………, ngày ………. tháng …….. năm …………..…..*

**Socialist Republic of vietnam**

Independence - Freedom - Happiness

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*………, day ………. month …….. year ………*

**PHIẾU YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY**

**APPLICATION FORM FOR DELETION OF REGISTERED AIRCRAFT TYPE OF SECURITY**

***Kính gửi/ To:* Cục Hàng không Việt Nam/ Civil Aviation Authority of Vietnam**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.** **Thông tin chung/ General information** | | | | | | | |
| *1.1. Loại hình đăng ký*/ Registration type | | | | | | | |
| Cầm cố/ Pledge | | Thế chấp/ Mortgage | | Bảo lưu quyền sở hữu/ Title retention | | | |
| *1.2. Người yêu cầu đăng ký*/ Applicant | | | | | | | |
| Bên bảo đảm/ Securing party | | Bên nhận bảo đảm/ Secured party | | Người được uỷ quyền/ Authorized person | | | |
| - Họ và tên / Full name ...............................................................................................................  - Địa chỉ / Address ........................................................................................................................  - Số điện thoại / Tel...................................................... Thư điện tử / Email ..............................  CMND / Căn cước công dân/ID Hộ chiếu / PP  Số / No ...................................... do / issued by .............................. cấp ngày /on ........ /........ /.....  Giấy ủy quyền / Authorization document  Giấy tờ khác (ghi cụ thể) / Other (specify) | | | | | | | |
| *1.3. Nhận kết quả đăng ký* / Methods to get registration result | | | Trực tiếp tại cơ quan đăng ký / Directly at the registry  Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận)/* By post *(specify name and address of receiver)* | | | | |
| **2. Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm đã cấp**/ Issued registration certificate No.:.................................. | | | | | | | | |
| **3. Căn cứ xóa đăng ký**/ Reason for registration cancellation | | | | | | | | |
| **4.** **Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có/Attachments to the application form include** | | | | | ***Người thực hiện đăng ký kiểm tra/Registrar*** | | | |
|  |  | | | |  |  |  | |
|  |  | | | |  |  |  | |
| *- Văn bản đồng ý xóa của bên nhận bảo đảm hoặc văn bản chứng minh nghĩa vụ được bảo đảm chấm dứt, trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là bên bảo đảm* gồm ... trang  *Deletion agreement letter of the secured party or document certifying termination of the secured obligations in case of the person requiring the deletion of registration is the securing party* including …page(s) | | | | |  |  |  | |
|  |  | | | |  |  |  | |
| *- Văn bản ủy quyền (nếu có)* gồm ….. trang  *Authorization document (if any)* including ... page(s) | | | | |  |  |  | |
|  |  | | | |  |  |  | |
| *- Giấy tờ khác (nếu có)/ Others (if any)* | | | | |  |  |  | |
|  |  | | | |  |  |  | |
| **5.** ***Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong phiếu yêu cầu này là trung thực, đầy đủ, đồng ý công khai thông tin và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai****/ The applicant commits the information stated in the Application form is true and correct, full, agree to publicize and completely responsible to the law for stated information.* | | | | | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
|  | BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/BÊN BẢO ĐẢM / SECURED PARTY/SECURING PARTY  **(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC** **ỦY QUYỀN/OR AUTHORIZED PERSON)**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có) Signature, full name, position and stamp (if any)* |

|  |
| --- |
| PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRY ONLY |
| Thời điểm tiếp nhận: ***\_ \_ \_***  *giờ* ***\_ \_ \_***  *phút, ngày* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_***  Time of application receiving: ***\_ \_ \_***  *hour* ***\_ \_ \_***  *minute, on* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_ \_***  Cán bộ tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)* / Receiver *(signature and full name)*: |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTIONS TO COMPLETION**

**1. Hướng dẫn chung/ General instructions**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

**2. Kê khai tại mục/ Complete in item 2 -** Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/ Number of Registration certificate issued by the registry.

Mẫu số 09

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------**

*…, ngày ... tháng ... năm ...*

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness  
--------------**

*…, day ... month ... year ...*

**PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ VĂN BẢN THÔNG BÁO VỀ VIỆC XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM LÀ TÀU BAY**

**APPLICATION FORM FOR REGISTRATION OF NOTICE ON ENFORCEMENT OF SECURED AIRCRAFT**

***Kính gửi/ To:* Cục Hàng không Việt Nam**/ Civil Aviation Authority of Vietnam

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.Thông tin chung/ General information**  *1.1. Loại hình đăng ký/Registration type*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Cầm cố/Pledge | Thế chấp/Mortgage | Bảo lưu quyền sở hữu/Title retention |   *1.2. Người yêu cầu đăng ký/Applicant*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Bên nhận bảo đảm/Secured party | Người đại diện của bên nhận bảo đảm/Authorized person of secured party |  |   - Họ và tên / Full name ……………………………………………………………………………….  - Địa chỉ / Address …………………………………………………………………………………….  - Số điện thoại / Tel ……………………………………. Thư điện tử / Email ……………………..   |  |  | | --- | --- | | CMND/Căn cước công dân/ ID | Hộ chiếu/ PP |   Số/ No …………………………. do/ issued by ………………………… cấp ngày / on …../ …./……..  Văn bản về ủy quyền/ Power of attorney  Giấy tờ khác (ghi cụ thể) / Other (specify) | |
| |  |  | | --- | --- | | *1.3. Nhận kết quả đăng ký* / Methods to get registration result | Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/ Directly at the registry  Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận)*/ By post *(specify name and address of receiver)* …………………………………………………………………......... | | |
| **2. Tài sản bảo đảm xử lý/ Settled security assets** | |
| 2.1. Mô tả tàu bay bị xử lý/ Description of settled aircraft  - Tàu bay/ Aircraft  - Số hiệu đăng ký/ Registration Mark  - Loại tàu bay/ Type of Aircraft  - Kiểu tàu bay/ Designation of Aircraft  - Nhà sản xuất/ Manufacturer  - Số xuất xưởng tàu bay/ Manufacturer’s Serial Number  - Năm xuất xưởng/ Year of Delivery from the Manufacturer  - Kiểu loại động cơ/ Designation of Engines  - Thời điểm hình thành/ Time of Formation | |
| 2.2. Lý do xử lý/ reason why the collateral to be enforced. ……………………………………………  ………………………………………………………………………………………………………………..  2.3. Phương thức xử lý/ Enforcement method …………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………………….  2.4. Thời gian xử lý/ time when the collateral to be enforced ………………………………………...  ………………………………………………………………………………………………………………..  2.5. Địa điểm xử lý/ Enforcement location ……………………………………………………………… | |
| **3. Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có/ Attachment to the application form include**   |  |  | | --- | --- | | - *Văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm*  *Notice on the enforcement* | gồm …… trang  *including …. page (s)* | | - *Văn bản về ủy quyền*  *Authorization document (if any)* | gồm …… trang  including …. page (s) | | *- Giấy tờ khác (nếu có)/ Other (if any)* |  | | ***Người thực hiện đăng ký kiểm tra/ Registrar*** |
| **➎ *Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong phiếu yêu cầu đăng ký này là trung thực, đầy đủ, đồng ý công khai thông tin và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai./*** *The applicant commits the information stated in the Application form is true and correct, full,* *agree to publicize and completely responsible to the law for stated information.* | |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/BÊN BẢO ĐẢM / SECURED PARTY/SECURING PARTY  (HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/OR AUTHORIZED PERSON)** *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Signature, full name, position and stamp (if any)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRY ONLY** |  |
| Thời điểm tiếp nhận: \_ \_ \_ *giờ \_ \_ \_ phút, ngày \_ \_ \_ / \_ \_ \_ / \_ \_ \_*  Time of application receiving: *\_ \_ \_ hour \_ \_ \_ minute, on \_ \_ \_ / \_ \_ \_ /\_ \_ \_*  Cán bộ tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)* / Receiver *(signature and full name)* |  |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTIONS TO COMPLETION**

**1. Hướng dẫn chung/ General instructions**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in respective box with chosen content.

**2. Kê khai tại mục/ Complete in item 2**- Tài sản bảo đảm bị xử lý/ Settled security assets

|  |
| --- |
| Mẫu số 10  **DANH MỤC CÁC HỢP ĐỒNG BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY ĐÃ ĐĂNG KÝ**  LIST OF REGISTERED AIRCRAFT SECURITY CONTRACTS |
|  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | | |
|  | **TT/ No** | **Số GCN/ Certificate No.** | **Bên bảo đảm/**  **Securing Party** | (\*) **Ghi chú/ Remarks** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  | | | | |

**NGƯỜI KÊ KHAI/ APPLICANT**

*(Ký và ghi rõ họ, tên/ Signature, full name*

Mẫu số 11

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM MINISTRY OF TRANSPORT  **CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM**  Số: / /GCN-CHK  Number ref: | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  **Independence - Freedom - Happiness** | |
| **GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY**  **REGISTRATION CERTIFICATE OF AIRCRAFT TYPES OF SECURITY REGISTRATION** | | |
| **1. Bên bảo đảm/ Securing party**  Tên/Full name:  Địa chỉ/Address:  **2. Bên nhận bảo đảm/Secured party**  Tên/Full name:  Địa chỉ/Address:  **3. Tàu bay/ Aircraft**  Số hiệu đăng ký/ Registration Mark:  Loại tàu bay/ Type of Aircraft:  Kiểu tàu bay/ Designation of Aircraft:  Nhà sản xuất/ Manufacturer:  Số xuất xưởng tàu bay/ Manufacturer’s Serial Number:  Năm xuất xưởng/ Year of Delivery from the Manufacturer:  Kiểu loại động cơ/ Designation of Engines:  Thời điểm hình thành/ Time of Formation:  **4. Nghĩa vụ được bảo đảm/ secured obligation**  **5.Thời hạn của quyền/ Duration of right**  Thời điểm bắt đầu/ Date of Effectiveness:  Thời điểm kết thúc/ Date of Expiry: | | |
| Ngày đăng ký/ Date of Registration:  Ngày cấp/ Date of issue: | | **CỤC TRƯỞNG**  **DIRECTOR GENERAL** |

Mẫu số 12

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM MINISTRY OF TRANSPORT  **CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM**  Số: / /GCN-CHK  Number ref: | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  **Independence - Freedom - Happiness** | |
| **GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG**  **BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY ĐÃ ĐĂNG KÝ**  **REGISTRATION CERTIFICATE OF CHANGES IN**  **REGISTERED AIRCRAFT TYPES OF SECURITY CONTENT** | | |
| **1. Bên bảo đảm/ Securing party**  Tên/Full name:  Địa chỉ/Address:  **2. Bên nhận bảo đảm/Secured party**  Tên/Full name:  Địa chỉ/Address:  **3. Tàu bay/ Aircraft**  Số hiệu đăng ký/ Registration Mark:  Loại tàu bay/ Type of Aircraft:  Kiểu tàu bay/ Designation of Aircraft:  Nhà sản xuất/ Manufacturer:  Số xuất xưởng tàu bay/ Manufacturer’s Serial Number:  Năm xuất xưởng/ Year of Delivery from the Manufacturer:  Kiểu loại động cơ/ Designation of Engines:  Thời điểm hình thành/ Time of Formation:  **4. Nghĩa vụ được bảo đảm/ secured obligation**  **5.Thời hạn của quyền/ Duration of right**  Thời điểm bắt đầu/ Date of Effectiveness:  Thời điểm kết thúc/ Date of Expiry: | | |
| Ngày đăng ký/ Date of Registration:  Ngày cấp/ Date of issue: | | **CỤC TRƯỞNG**  **DIRECTOR GENERAL** |

Mẫu số 13

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM MINISTRY OF TRANSPORT  **CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM**  Số: / /GCN-CHK  Number ref: | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  **Independence - Freedom - Happiness** | |
| **GIẤY CHỨNG NHẬN  XÓA ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY**  **CERTIFICATE FOR DELETION OF AIRCRAFT TYPE OF SECURITY REGISTRATION** | | |
| **1. Người đề nghị xóa đăng ký/ Applicant for the cancellation**  Tên/ Fullname:  Địa chỉ/ Address:  **2. Bên bảo đảm/ Securing party**  Tên/Full name:  Địa chỉ/Address:  **3. Bên nhận bảo đảm/Secured party**  Tên/Full name:  Địa chỉ/Address:  **4. Tàu bay/ Aircraft**  Số hiệu đăng ký/ Registration Mark:  Loại tàu bay/ Type of Aircraft:  Kiểu tàu bay/ Designation of Aircraft:  Nhà sản xuất/ Manufacturer:  Số xuất xưởng tàu bay/ Manufacturer’s Serial Number:  Năm xuất xưởng/ Year of Delivery from the Manufacturer:  Kiểu loại động cơ/ Designation of Engines:  Thời điểm hình thành/ Time of Formation:  **5. Lý do xóa đăng ký / Reason for the cacellation**  **6. Nghĩa vụ xóa bảo đảm/ Secured obligation to be cancelled** | | |
| Ngày xóa đăng ký/ Date of Deregistration:  Ngày cấp/ Date of issue: | | **CỤC TRƯỞNG**  **DIRECTOR GENERAL** |

Mẫu số 14

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**  MINISTRY OF TRANSPORT **CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM**  Số: ……/………. /GCN-CHK  Number ref: ……………………… | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -------------------**  **SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness** | |
| **GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ VĂN BẢN THÔNG BÁO VỀ VIỆC XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM LÀ TÀU BAY**  **REGISTRATION CERTIFICATE OF NOTICE ON ENFORCEMENT OF SECURED AIRCRAFT** | | |
| **1. Bên bảo đảm/ Securing party**  Tên/Full name:  Địa chỉ/Address:  **2. Bên nhận bảo đảm/**Secured party  Tên/Full name:  Địa chỉ/Address:  **3. Tàu bay/ Aircraft**  Số hiệu đăng ký/ Registration Mark:  Loại tàu bay/ Type of Aircraft:  Kiểu tàu bay/ Designation of Aircraft:  Nhà sản xuất/ Manufacturer:  Số xuất xưởng tàu bay/ Manufacturer’s Serial Number:  Năm xuất xưởng/ Year of Delivery from the Manufacturer:  Kiểu loại động cơ/ Designation of Engines:  Thời điểm hình thành/ Time of Formation:  **4. Lý do xử lý/** Reason of the enforcement  ……………………………………………………………………………………………………  **6. Phương thức xử lý**/ Enforcement method  ……………………………………………………………………………………………………  **7. Thời điểm xử lý**/ Enforcement time  …………………………………………………………………………………………………… | | |
| Ngày đăng ký/ Date of Registration:  Ngày cấp/ Date of issue: | | **CỤC TRƯỞNG**  **DIRECTOR GENERAL** |

Mẫu số 15

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*………, ngày ……. tháng …….. năm ………*

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

*………, day … month … year …*

**PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN**

**Application form for SEA-GOING ship type of security registration**

***Kính gửi/ To: (*Tên cơ quan đăng ký/ Name of registry)** ......................................................

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.** **Thông tin chung / General information**  *1.1. Loại hình đăng ký*/ *Registration type*  Thế chấp/ Mortgage Bảo lưu quyền sở hữu/ Title retention | | | | | | |
| *1.2. Người yêu cầu đăng ký*/ Applicant | | | | | | |
| Bên bảo đảm/ securing party | | Bên nhận bảo đảm/ secured party | Người đại diện/ Authorized person | | | |
| *1.3. Nhận kết quả đăng ký* / Methods to get registration result | | Trực tiếp tại cơ quan đăng ký / Directly at the registry  Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận)/* By post *(specify name and address of receiver)* | | | | |
| *1.4. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ* (\*)/ Person for registry contacting as necessary during the settlement of the dossier (\*)  Họ và tên/ Full name ..............................................Số điện thoại/ Tel: ..........................................  Thư điện tử/ Email ........................................................................................................................... | | | | | | |
| **2.** **Bên bảo đảm/** **securing party**  - Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)/* Full name *(write in CAPITAL LETTERS)*  - Địa chỉ/ Address  CMND/ Căn cước công dân/ID Hộ chiếu/ PP Thẻ thường trú/ Temporary residence card  Mã số thuế/ Tax Identification GCN đăng ký đầu tư/ Investment Registration Certificate  GP đầu tư/ Investment Licence GCN đầu tư/ Investment Certificate  Giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác *(ghi cụ thể)/* Other documents proving legal status *(state clearly)*:  Số/ No. do/ issued by cấp ngày/ on / / .................................................................................................... | | | | | | |
| **3.** **Bên nhận bảo đảm/** **secured party**  - Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)/* Full name *(write in CAPITAL LETTERS)*  - Địa chỉ/ Address  CMND/Căn cước công dân/ ID Hộ chiếu/ PP Thẻ thường trú/ Temporary residence card  Mã số thuế/ Tax Identification GCN đăng ký đầu tư/ Investment Registration Certificate  GP đầu tư/ Investment Licence GCN đầu tư/ Investment Certificate  Giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác *(ghi cụ thể)/* Other documents proving legal status *(state clearly)*:  Số/ No. do/ issued by cấp ngày/ on / / | | | | | | |
| **4.** **Mô tả tài sản bảo đảm/ Description of secured assets**  Tên tàu/ Name ship................................... , Quốc tịch/Nationality ........................................  Hô hiệu/ Call sign ..................................................................................................................  Số IMO/IMO number.............................................................................................................  Loại tàu/ Type of ship....................................................................................................................  Chủ tàu/ Owner..............................................................................................................................  Năm đóng/ Year of building...................................................................................................  Nơi đóng/Place of building.....................................................................................................  Mớn nước/Draft......................................................................................................................  Dung tích thực dụng/Net tonnage............................................................................................  Chiều dài lớn nhất/Length over all...........................................................................................  Chiều rộng/Breadth..................................................................................................................  Trọng tải toàn phần/ Dead weight............................................................................................  Tổng dung tích/Gross tonnage................................................................................................  Nơi đăng ký/Place of register..................................................................................................  Tổ chức đăng kiểm/Classification Agency.................................................................................  Tổng công suất máy chính/M.E.power......................................................................................  Số đăng ký/ Registration No. ........................... Ngày đăng ký/ Registration date......................... | | | | | | |
| **5. Hợp đồng bảo đảm**/  Ship security contract  - Số/ No. ...............................; thời điểm có hiệu lực/ effective time ...........ngày/day...... tháng/ month ............ năm/ year.........  - Số tiền được bảo đảm / Secured loan .......................................................................................  - Lãi suất/interest rates.........................................................................................................................  - Thời hạn trả nợ/due date.......................................................................................................... | | | | | | |
| **6.** **Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có/ Attachment to the application form include:** | | | | ***Người thực hiện***  ***đăng ký kiểm tra/ Registrar*** | | |
|  | *- Hợp đồng bảo đảm* gồm …... trang  *Ship security contract including …page(s)* | | |  |  |  |
|  |  | | |  |  |  |
|  | *- Văn bản ủy quyền (nếu có)* gồm ….. trang  *Authorization document (if any)* including ... page(s) | | |  |  |  |
|  |  | | |  |  |  |
| **7.** ***Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong phiếu này là trung thực, phù hợp với thoả thuận của các bên tham gia biện pháp bảo đảm, đồng ý công khai hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai/*** *The applicant commits the information stated in the Application form is true and correct, suitable with the agreement of the Parties participating in the secured type, agree to publicize and completely responsible to the law for stated information.* | | | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| BÊN BẢO ĐẢM/ SECURING PARTY  **(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC** **ỦY QUYỀN/ OR AUTHORIZED PERSON)**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có) Signature, full name, position and stamp (if any)* | BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/ SECURED PARTY  **(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC** **ỦY QUYỀN/ OR AUTHORIZED PERSON)**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có) Signature, full name, position and stamp (if any)* |

|  |
| --- |
| PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRY ONLY |
| Thời điểm tiếp nhận : ***\_ \_ \_***  *giờ* ***\_ \_ \_***  *phút, ngày* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_***  Time of application receiving: ***\_ \_ \_***  *hour* ***\_ \_ \_***  *minute, on* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_ \_***  Cán bộ tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)* / Receiver *(signature and full name)* |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTION TO COMPLETION**

**1. Hướng dẫn chung/ General instructions**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*) ; phải kê khai tại các mục còn lại/ It is not compulsory to complete the items marked with (\*) ; it is required to complete the remaining items.

**2. Kê khai tại mục/ Complete in item 2 và mục/ and item 3 (bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm/ securing party and secured party)**

Trong trường hợp có nhiều bên bảo đảm hoặc nhiều bên nhận bảo đảm thì kê khai tất cả các bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm vào mục **2** hoặc **3**/ In case of having many securing parties or many secured parties, complete all securing parties or secured parties into items **2** or **3**.

**3. Kê khai tại mục/ Completion in item 5**: Mỗi phiếu yêu cầu chỉ đăng ký một hợp đồng và các phụ lục của hợp đồng đó (nếu có)/ Each application form only registers a contract and annexes of that contract (if any).

Mẫu số 16

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……………………, ngày ………. tháng …….. năm …………..…..*

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

Independence - Freedom - Happiness

*……………………, day ………. month …….. year …………..…..*

**PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ   
THAY ĐỔI NỘI DUNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN ĐÃ ĐĂNG KÝ**

**Application FORM for change registration of**

**registered SEA-GOING ship TYPE OF SECURITY content**

***Kính gửi/ To: (*Tên cơ quan đăng ký/ Name of registry)** ..................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.** **Thông tin chung / General information** | | | | | | | |
| *1.1. Người yêu cầu đăng ký*/ Applicant | | | | | | | |
| Bên bảo đảm/ Securing party | | | Bên nhận bảo đảm/ Secured party | Người đại diện/ Authorized person | | | |
| *1.2. Nhận kết quả đăng ký* / Methods to get registration result | | | Trực tiếp tại cơ quan đăng ký / Directly at the registry  Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận)/* By post *(specify name and address of receiver)* | | | | |
| *1.3. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ* (\*)/ Person for registry contacting as necessary during the settlement of the dossier (\*)  Họ và tên/ Full name ..............................................Số điện thoại/ Tel: ..........................................  Thư điện tử/ Email ........................................................................................................................... | | | | | | | |
| **2. Số Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp**/ Issued registration certificate number ................................................................................................................................................... | | | | | | | | |
| **3. Nội dung thay đổi/ Change content** | | | | | | | | |
| *3.1. Nội dung yêu cầu thay đổi/ Required change content* | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
|  | Thay đổi tên, thay đổi giấy tờ xác định tư cách pháp lý của một hay các bên: *Kê khai tiếp tại điểm 3.3/* Change name, change documents proving legal status of a party or parties: *Continue to complete at item 3.3* | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
|  | Thay đổi các bên (rút bớt, thay thế hoặc bổ sung): *Kê khai tiếp tại điểm 3.2 và/hoặc điểm 3.3/* Change parties (reduce, replace or supplement): *Continue to complete at 3.2 and/or item 3.3* | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
|  | Thay đổi tài sản (rút bớt hoặc bổ sung tài sản mà không ký HĐ mới): *Kê khai tiếp tại điểm 3.3/* Change assets (reduce or supplement assets without signing new contract): *Continue to complete at item 3.3* | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
|  | Thay đổi các nội dung khác đã đăng ký/ Change other registered contents.  *Kê khai tiếp tại điểm 3.3/ Continue to complete at item 3.3* | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| *3.2. Kê khai bên tham gia hợp đồng bảo đảm mới* *(do thay thế, bổ sung)*/ Complete party participating in new security contract *(due to replacement, supplementation)*  Bên bảo đảm/ Securing party Bên nhận bảo đảm/ Secured party | | | | | | | | |
| Tên đầy đủ/ Full name *(viết chữ IN HOA/ write in CAPITAL LETTERS)*    Địa chỉ/ Address    CMND/Căn cước công dân/ ID Hộ chiếu/ PP Thẻ thường trú/ Temporary residence card  Mã số thuế/ Tax Identification GCN đăng ký đầu tư/ Investment Registration Certificate    GP đầu tư/ Investment License GCN đầu tư/ Investment Certificate  Giấy tờ xác định tư cách pháp lý khác *(ghi cụ thể)/* Other documents proving legal status *(state clearly)*  Số/ No do/ issued by................. cấp ngày/ on / / | | | | | | | | |
| *3.3. Kê khai nội dung thay đổi khác/ Completion of other change content* | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | |
| **4.** **Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có/ Attachment to the application form include** | | | | | ***Người thực hiện***  ***đăng ký kiểm tra/ Registrar*** | | | |
|  | |  | | |  |  |  | |
|  | |  | | |  |  |  | |
| *- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm hoặc văn bản chứng minh nội dung thay đổi* gồm ….. trang  *Contract on amendment, supplementation of sea-going ship security contract or document proving the change content*  including …..….. page(s) | | | | |  |  |  | |
|  | |  | | |  |  |  | |
| *- Văn bản ủy quyền* gồm …..….. trang  *Authorization document (if any)* including …..….. page(s) | | | | |  |  |  | |
|  | |  | | |  |  |  | |
| **5.** ***Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong phiếu yêu cầu đăng ký này là trung thực, đồng ý công khai và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai/*** *The applicant commits the information stated in the Application form is true and correct, agree to publicize and completely responsible to the law for stated information.* | | | | | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| BÊN BẢO ĐẢM/ SECURING PARTY  **(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC** **ỦY QUYỀN/ OR AUTHORIZED PERSON)**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có) Signature, full name, position and stamp (if any)* | BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/ SECURED PARTY  **(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC** **ỦY QUYỀN/**  **OR AUTHORIZED PERSON)**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)*  *Signature, full name, position and stamp (if any)* |

|  |
| --- |
| PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝFOR REGISTRY ONLY |
| Thời điểm tiếp nhận : ***\_ \_ \_***  *giờ* ***\_ \_ \_***  *phút, ngày* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_***  Time of application receiving: ***\_ \_ \_***  *hour* ***\_ \_ \_***  *minute, on* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_ \_***  Cán bộ tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*  Receiver *(signature and full name)* |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTIONS TO COMPLETION**

**1. Hướng dẫn chung/ General instructions**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in respective box with chosen content.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*) ; phải kê khai tại các mục còn lại/ It is not compulsory to complete the items marked with (\*) ; it is required to complete the remaining items.

**2. Kê khai tại mục/ Complete in item 3 - Nội dung thay đổi/ Change content**

2.1. Tại điểm 3.1: Đánh dấu vào ô vuông tương ứng với nội dung yêu cầu thay đổi/ At item 3.1: Mark into corresponding square with change requirement content.

3.2. Thay đổi về các bên/ Change on Parties

a) Nếu nội dung thay đổi là bổ sung hoặc thay thế bên tham gia hợp đồng bảo đảm thì phải kê khai đầy đủ thông tin về bên bổ sung hoặc thay thế tại điểm 3.2. / If the change content is to supplement or change the Party participating in the security contract, it is required to complete full information about the supplementation or replacement Party at point 3.2.

b) Nếu nội dung thay đổi là rút bớt bên tham gia hợp đồng bảo đảm thì chỉ phải kê khai về tên của bên rút bớt tại điểm 3.2, theo đúng tên trong biện pháp bảo đảm đã đăng ký/ If the change content is to reduce the Parties participating in the security contract, it is required to complete the name of the reduction Party at point 3.2 in accordance with the name in registered type of security.

3.3. Thay đổi các nội dung khác: Kê khai đồng thời về nội dung bị thay đổi và nội dung thay đổi tại điểm 3.3/ Change on other contents: Completing at the same time the content to be changed and changed content at point 3.3.

3.3.1. Thay đổi tên, số của giấy tờ xác định tư cách pháp lý của các bên (thay đổi theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ví dụ: thay đổi do sáp nhập hoặc chia tách doanh nghiệp, thay đổi ngành nghề kinh doanh... ): Kê khai về tên và số giấy tờ xác định tư cách pháp lý của bên đó theo đúng trong phiếu yêu cầu đăng ký có nội dung cần thay đổi, đồng thời kê khai về tên hoặc (và) số giấy tờ xác định tư cách pháp lý yêu cầu thay đổi tại điểm 3.3. *(Ví dụ: Nguyễn Văn A, số CMND 123. Yêu cầu thay đổi số CMND là 234 hoặc yêu cầu thay đổi tên là Nguyễn Văn B)/* Change on name, number of document determining legal status of the Parties (change under the decision of the State competent authority, for example: change due to merge or division of the enterprise, change of business lines…): Complete the name and document number determining legal status of that Party in accordance with application form for registration with changed content, and complete the name or (and) document number determining legal status requiring to change at point 3.3 *(For example: Nguyen Van A, ID Card No. 123. Require to change the ID Card No. being 234 or require to change the name being Nguyen Van B).*

3.3.2. Thay đổi tài sản/ Change on assets

a) Nếu nội dung thay đổi là rút bớt tài sản bảo đảm (rút một hoặc một số tài sản bảo đảm) thì kê khai về tài sản rút bớt theo đúng nội dung đã mô tả về tài sản đó trong hợp đồng bảo đảm đã đăng ký tại điểm 3.3/ If the change content is to reduce the secured assets (reduce one or some mortgage assets), complete the reduced assets in accordance with the content described about those assets in the registered security contract at point 3.3.

b) Nếu nội dung thay đổi là bổ sung hoặc thay thế tài sản bảo đảm thì kê khai tại điểm 3.3/ If the change content is to supplement or change the secured assets, complete at point 3.3.

c) Ghi rõ nội dung thay đổi tài sản là rút bớt hay bổ sung hay thay thế tại điểm 3.3 khi mô tả tài sản bảo đảm/ State the asset change content to be reduction or supplementation or replacement at point 3.3 as describing the secured assets.

Mẫu số 17

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*…………, ngày ………. tháng …….. năm ………*

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

*…………, day … month … year…….. …*

**PHIẾU YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN**

**Application FORM for DELETION OF SEA-GOING Ship TYPE OF SECURITY registration**

***Kính gửi/ To: (*Tên cơ quan đăng ký/ Name of registry)** ..................................................

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.** **Thông tin chung / General information** | | | | | | |
| *1.1. Người yêu cầu đăng ký*/ Applicant | | | | | | |
| Bên bảo đảm/ Securing party | | Bên nhận bảo đảm/ Secured party | Người đại diện/ Authorized person | | | |
| *1.2. Nhận kết quả đăng ký* / Methods to get registration result | | Trực tiếp tại cơ quan đăng ký / Directly at the registry  Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận)/* By post *(specify name and address of receiver)* | | | | |
| *1.3. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ* (\*)/ Person for registry contacting as necessary during the settlement of the dossier (\*)  Họ và tên/ Full name ...........................................Số điện thoại/ Tel: ..........................................  Thư điện tử/ Email ....................................................................................................................... | | | | | | |
| **2. Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm đã cấp**/ Issued registration certificate No.: .............................. | | | | | | |
| **3. Căn cứ xóa đăng ký**/Reasons of cancellation............................................................................ | | | | | | |
| **4.** **Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có/ Attachments to the application form include** | | | | ***Người thực hiện đăng ký kiểm tra/ Registrar*** | | |
|  |  | | |  |  |  |
|  |  | | |  |  |  |
| *- Văn bản đồng ý xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển của bên nhận bảo đảm hoặc văn bản chứng minh nghĩa vụ được bảo đảm chấm dứt, trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là bên bảo đảm*  gồm …..….. trang  *Document agreeing the deletion of ship type of security registration of the secured party or document certifying termination of the secured obligations in case of the person requiring the deletion of registration is the securing party*  including …..…..page(s) | | | |  |  |  |
|  |  | | |  |  |  |
| *- Văn bản ủy quyền* gồm …..….. trang  *Authorization document* including …..…..page(s) | | | |  |  |  |
|  |  | | |  |  |  |
| *- Giấy tờ khác (nếu có)/ Others (if any)* | | | |  |  |  |
|  |  | | |  |  |  |
| **5.** ***Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong phiếu yêu cầu này là trung thực, đầy đủ, đồng ý công khai và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai/*** *The applicant commits the information stated in the Application form is true and correct, agree to publicize full and completely responsible to the law for stated information.* | | | | | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| BÊN BẢO ĐẢM/ SECURING PARTY  **(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC** **ỦY QUYỀN/ OR AUTHORIZED PERSON)**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có) Signature, full name, position and stamp (if any)* | BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/ SECURED PARTY  **(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC** **ỦY QUYỀN/ OR AUTHORIZED PERSON)**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có) Signature, full name, position and stamp (if any)* |  |  |

|  |
| --- |
| PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRY ONLY |
| Thời điểm tiếp nhận: ***\_ \_ \_***  *giờ* ***\_ \_ \_***  *phút, ngày* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_***  Time of application receiving: ***\_ \_ \_***  *hour* ***\_ \_ \_***  *minute, on* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_ \_***  Cán bộ tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)* / Receiver *(signature and full name)* |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTION TO COMPLETION**

**Hướng dẫn chung/ General instructions**

**1.** Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

**2.** Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

**3.** Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*) ; phải kê khai tại các mục còn lại/ It is not compulsory to complete the items marked with (\*) ; it is required to complete the remaining items.

Mẫu số 18

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------**

*…, ngày ... tháng ... năm ...*

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness  
--------------**

*…, day ... month ... year ...*

**PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ VĂN BẢN THÔNG BÁO VỀ VIỆC XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM LÀ TÀU BIỂN**

**APPLICATION FORM FOR REGISTRATION OF NOTICE ON ENFORCEMENT OF SECURED SEA GOING SHIP**

***Kính gửi/ To:* (Tên Cơ quan đăng ký/ Name of registry)** …………………………………………..

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **➊ Thông tin chung/ General information**  *1.1. Người yêu cầu đăng ký/Applicant*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Bên nhận bảo đảm/Secured party | | Người đại diện của bên nhận bảo đảm/Authorized person of secured party | | *1.2. Nhận kết quả đăng ký* / Methods to get registration result | □ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/ Directly at the registry  □ Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận)*/ By post *(specify name and address of receiver)* …………………………………………………………………......... | |   *1.3. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ (\*)/* Person for registry contacting as necessary during the settlement of the dossier (\*)  Họ và tên / Full name ……………………………………Số điện thoại / Tel ………………………  Thư điện tử / Email ……………………………………………………………………………………. | |
| **2. Số Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp/ Issued registration certificate No.**  …………………………………………………………………………………………………… | |
| **3. Tài sản bảo đảm bị xử lý/ Settled secured assets** | |
| 3.1. □ Xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm/ Settle all secured assets  3.2. □ Xử lý một phần tài sản bảo đảm, gồm/ Settle partial secured assets, including | |
| Mô tả tài sản bị xử lý/ Description of settled assets  ………………………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………………………..  ………………………………………………………………………………………………………………..  3.3. Phương thức xử lý/ Settlement method ……………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………………………..  3.4. Thời gian xử lý/ Settlement time ……………………………………………………………………  3.5. Địa điểm xử lý/ Settlement location ………………………………………………………………… | |
| **4. Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có/ Attachment to the application form include**   |  |  | | --- | --- | | *Issued sea-going ship type of security registration certificate* | | |  | including ……… page(s) | | *- Văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu biển* | | |  | gồm ……. trang | | *Document informing about settlement secured assets by ship* | | |  | including ……… page(s) |   *- Văn bản ủy quyền* gồm ……………trang  *Authorization document* including ……… page  *- Giấy tờ khác (nếu có)/ Others (if any)* | ***Người thực hiện đăng ký kiểm tra/ Registrar*** |
| **5. *Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong phiếu yêu cầu đăng ký này là trung thực, đầy đủ và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai****/ The applicant commits the information stated in the Application form is true and correct, full agree to publicize and completely responsible to the law for stated information.* | |

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN BẢO ĐẢM/ SECURING PARTY  (HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/OR AUTHORIZED PERSON)** *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Signature, full name, position and stamp (if any)* | **BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/ SECURED PARTY (HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/OR AUTHORIZED PERSON)** *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Signature, full name, position and stamp (if any)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRY ONLY** |  |
| Thời điểm tiếp nhận: \_ \_ \_ *giờ \_ \_ \_ phút, ngày \_ \_ \_ / \_ \_ \_ / \_ \_ \_*  Time of application receiving: *\_ \_ \_ hour \_ \_ \_ minute, on \_ \_ \_ / \_ \_ \_ /\_ \_ \_*  Cán bộ tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)* / Receiver *(signature and full name)* |  |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTIONS TO COMPLETION**

**1. Hướng dẫn chung/ General instructions**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*); phải kê khai tại các mục còn lại/ It is not compulsory to complete the items marked with (\*); it is required to complete the remaining items.

**2. Kê khai tại mục/ Complete in item 2** - Số Giấy chứng nhận đăng ký do cơ quan đăng ký cấp/ Number of Registration certificate issued by the registry.

**3. Kê khai tại mục/ Complete in item 3** - Tài sản bảo đảm bị xử lý/ Settled secured assets

a) Đánh dấu vào ô vuông tại điểm 3.1 hoặc điểm 3.2 để xác định yêu cầu xử lý toàn bộ hay một phần tài sản bảo đảm/ Mark in box at point 3.1 or point 3.2 to determine settlement requirements of whole or partial secured assets.

b) Trong trường hợp yêu cầu xử lý một phần tài sản bảo đảm (điểm 3.2) thì phải kê khai về tài sản bị xử lý theo đúng nội dung đã mô tả về tài sản đó tại phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã được giải quyết/ In the case of requirement for settlement of partial secured assets (point 3.2), please complete settled assets in accordance with described contents on such assets at the settled application form for ship type of registration.

|  |
| --- |
| Mẫu số 19  **DANH MỤC CÁC HỢP ĐỒNG BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN ĐÃ ĐĂNG KÝ**  LIST OF REGISTERED SEA-GOING SHIP SECURITY CONTRACTS |
|  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | | |
|  | **TT/ No** | **Số GCN/ Certificate No.** | **Bên bảo đảm/**  **Securing Party** | (\*) **Ghi chú/ Remarks** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  | | | | |

**NGƯỜI KÊ KHAI/ APPLICANT**

*(Ký và ghi rõ họ, tên/ Signature, full name)*

Mẫu số 20

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……………………, ngày ………*. *tháng ……*.. *năm* …………..…..

**Socialist Republic of vietnam**

Independence - Freedom - Happiness

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*……, day …… month …… year …….*

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN**

**CERTIFICATE OF SEA-GOING SHIP TYPE OF SECURITY REGISTRATION**

**Số:................../năm**

**No.:................../year**

**(TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN/ NAME OF REGISTRY)**

**CHỨNG NHẬN/ CERTIFIES THAT**

**1**. Tàu biển có các thông số dưới đây đã được đăng ký biện pháp bảo đảm trong Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam, có hiệu lực đăng ký từ........ giờ ........ phút, ngày........ tháng ........ năm .......... gồm những nội dung sau đây/ The sea-going ship with the following parameters is registered for type of security in the Vietnam National Sea-Going Ships Registration Book, valid from ........ hour ........ minute, day........ month ........ year .......... including the following contents

**2. Tài sản bảo đảm/ Secured assets**

Tên tàu/ Name ship................................... Hô hiệu/ Call sign .....................................................

Số IMO/IMO number.....................................................................................................................

Loại tàu/ Type of ship....................................................................................................................

Chủ tàu/ Owner..............................................................................................................................

Năm đóng/ Year of building..........................................................................................................

Nơi đóng/Place of building............................................................................................................

Mớn nước/Draft..............................................................................................................................

Dung tích thực dụng/Net tonnage...................................................................................................

Chiều dài lớn nhất/Length over all.................................................................................................

Chiều rộng/Breadth.........................................................................................................................

Trọng tải toàn phần/ Dead weight..................................................................................................

Tổng dung tích/ Gross tonnage......................................................................................................

Nơi đăng ký/Place of register.........................................................................................................

Tổ chức đăng kiểm/Classification Agency....................................................................................

Tổng công suất máy chính/M.E.power..........................................................................................

Số đăng ký/ Registration No. ........................... Ngày đăng ký/ Registration date..

**3. Bên bảo đảm**/ **Securing party**

Tên/ Name................................................................................................................................

Địa chỉ/ Address ........................................................................................................................

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/ Documents proving legal status No.......................... do/ issued by ................................................................... cấp ngày/ on.........../.........../............

**4.Bên nhận bảo đảm**/ **Secured party**...........................................................................................

Tên/ Name................................................................................................................................

Địa chỉ/ Address ........................................................................................................................

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/ Documents proving legal status No.......................... do/ issued by ................................................................... cấp ngày/ on.........../.........../............

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN HEAD OF SHIP REGISTRY**  *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu*  *Signature, full name, position and stamp)* |

Mẫu số 21

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……………………, ngày ………*. *tháng ……*.. *năm* …………..…..

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

**Independence - Freedom - Happiness**

*……………………, day ………*. *month ……*.. *year* …………..…..

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI**

**NỘI DUNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN ĐÃ ĐĂNG KÝ**

**REGISTRATION CHANGE CERTIFICATE OF REGISTERED SHIP**

**TYPE OF SECURITY CONTENT**

**Số:................../năm**

**No.:................../year**

**(TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN/ NAME OF SHIP REGISTRY)**

**CHỨNG NHẬN/ CERTIFIES THAT**

**1**. Nội dung đăng ký thay đổi đã được ghi vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam, có hiệu lực đăng ký từ........ giờ ........ phút, ngày........ tháng ........ năm .......... gồm những nội dung sau đây/ The change registration content was recorded in the Vietnam National Sea-going Ships Registration Book, valid from ........ hour ........ minute, day........ month ........ year .......... including the following contents

**2. Bên bảo đảm/ Securing party**

Tên/ Name..................................................................................................................................

Địa chỉ/ Address.........................................................................................................................

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/ Documents proving legal status No ...........................do/ issued by........................................................ cấp ngày/ on .........../.........../............

**3. Bên nhận bảo đảm**/ **Secured party......**...................................................................................

Tên/ Name..................................................................................................................................

Địa chỉ/ Address.........................................................................................................................

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/ Documents proving legal status No...........................do/ issued by......................................cấp ngày/ on.........../.........../............

**4. Tài sản bảo đảm đã đăng ký/ Registered security assets**

Tên tàu/ Name ship................................... Hô hiệu/ Call sign .................................................

Số IMO/IMO number..................................

Loại tàu/ Type of ship....................................................................................................................

Chủ tàu/ Owner..............................................................................................................................

Năm đóng/ Year of building.......................................................................................................

Nơi đóng/Place of building.......................................................................................................

Mớn nước/Draft.......................................................................................................................

Dung tích thực dụng/Net tonnage...........................................................................................

Chiều dài lớn nhất/Length over all.............................................................................................

Chiều rộng/Breadth.................................................................................................................

Trọng tải toàn phần/ Dead weight.............................................................................................

Tổng dung tích/ Gross tonnage...............................................................................................

Nơi đăng ký/Place of register..................................................................................................

Tổ chức đăng kiểm/Classification Agency..................................................................................

Tổng công suất máy chính/M.E.power...................................................................................

Số đăng ký/ Registration No. ........................... Ngày đăng ký/ Registration date.............

**5. Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm tàu biển đã cấp/** Number of issued Certificate of sea-going ship type of security registration:

**6. Thời điểm đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển tại Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã cấp/** Time of sea-going ship type of security registration at issued certificate of sea-going ship type of security registration:

**7. Nội dung đăng ký thay đổi/ Change registration content**

*7.1. Thay đổi bên bảo đảm/ Change on securing party*

a) Thay đổi tên/ Change on name

b) Thay đổi số giấy tờ xác định tư cách pháp lý/ Change on document proving legal status

c) Rút bớt bên bảo đảm/ Reduce the securing party

d) Bổ sung bên bảo đảm/ Supplement the securing party

đ) Thay thế bên bảo đảm/ Replace the securing party

*7.2. Thay đổi bên nhận bảo đảm/ Change on the secured party*

a) Thay đổi tên/ Change on name

b) Thay đổi số giấy tờ xác định tư cách pháp lý/ Change on document proving legal status

c) Rút bớt bên nhận bảo đảm/ Reduce the secured party

d) Bổ sung bên nhận bảo đảm/ Supplement the secured party

đ) Thay thế bên nhận bảo đảm/ Replace the secured party

*7.3. Thay đổi tài sản/ Change on assets*

a) Rút bớt tài sản/ Reduce assets

b) Bổ sung tài sản bảo đảm tại thời điểm .......giờ .......... phút ......., ngày ... tháng... năm/ Supplement the secured assets at the time of ....... hour .......... minute ......., day ... month ... year.

*7.4. Thay đổi các nội dung khác đã đăng ký tại mục số ... trang số ...../ Change on other registered contents at item No. ... page No. .....*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN HEAD OF SHIP REGISTRY**  *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu*  *Signature, full name, position and stamp)*  Mẫu số 22 |

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……………………, ngày ………*. *tháng ……*.. *năm* …………..…..

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

**Independence - Freedom - Happiness**

*……………………, day ………*. *month ……*.. *year* …………..…..

**GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN**

**CERTIFICATE FOR DELETION OF SEA-GOING SHIP TYPE OF SECURITY REGISTRATION**

**Số:................../năm**

**No.:................../year**

**(TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN/ NAME OF SHIP REGISTRY)**

**CHỨNG NHẬN/ CERTIFIES THAT**

**1**. Nội dung xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã được ghi vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam, có hiệu lực từ........ giờ ........ phút, ngày........ tháng ........ năm .......... gồm những nội dung sau đây/ Contents on deletion of sea-going ship type of security registration are registered in the Vietnam National Sea-Going Ships Registration Book, valid from ........ hour ........ minute, day........ month ........ year .......... including the following contents

**2. Bên bảo đảm/ Securing party**

Tên/ Name..................................................................................................................................

Địa chỉ/ Address.........................................................................................................................

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/ Documents proving legal status No ...........................do/ issued by.................................... cấp ngày/ on .........../.........../............

**3. Bên nhận bảo đảm**/ Secured party...........................................................................................

Tên/ Name..................................................................................................................................

Địa chỉ/ Address.........................................................................................................................

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/ Documents proving legal status No...........................do/ issued by......................................cấp ngày/ on.........../.........../............

**4. Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã cấp/ Number of issued Certificate of ship type of security registration** ……………………………

**5. Tài sản bảo đảm đã đăng ký/ Registered security assets**

Tên tàu/ Name ship................................... Hô hiệu/ Call sign .................................................

Số IMO/IMO number.............................................................................................................

Loại tàu/ Type of ship....................................................................................................................

Chủ tàu/ Owner..............................................................................................................................

Năm đóng/ Year of building...................................................................................................

Nơi đóng/Place of building......................................................................................................

Mớn nước/Draft......................................................................................................................

Dung tích thực dụng/Net tonnage...........................................................................................

Chiều dài lớn nhất/Length over all...............................................................................................

Chiều rộng/Breadth.................................................................................................................

Trọng tải toàn phần/ Dead weight............................................................................................

Tổng dung tích/ Gross tonnage..............................................................................................

Nơi đăng ký/Place of register..................................................................................................

Tổ chức đăng kiểm/Classification Agency................................................................................

Tổng công suất máy chính/M.E.power....................................................................................

Số đăng ký/ Registration No. ........................... Ngày đăng ký/ Registration date...................

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN HEAD OF SHIP REGISTRY**  *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu*  *Signature, full name, position and stamp)* |

Mẫu số 23

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----------

…, ngày ... tháng ... năm ...

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

--------------

…, day ... month ... year ...

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ VĂN BẢN THÔNG BÁO VỀ VIỆC XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM LÀ TÀU BIỂN

CERTIFICATE OF REGISTRATION OF NOTICE ON ENFORCEMENT OF SECURED SEA-GOING SHIP

(TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN/ NAME OF SHIP REGISTRY)

CHỨNG NHẬN/ CERTIFIES THAT

1. Nội dung đăng ký thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm là tàu biển đã được ghi vào Sổ đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam, có hiệu lực đăng ký từ ……… giờ …….. phút, ngày ………. tháng ……… năm ……… gồm những nội dung sau đây/ Contents on registration notice on enforcement of secured sea-going ship are registered in the Vietnam National Sea-Going Ships Registration Book, valid from …….. hour …….. minute, day ……… month ……… year ………. including the following contents

2. Bên bảo đảm/ Securing party

- Tên/Full name:

- Địa chỉ/Address:

- Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/ Documents proving legal status No. …………………….. do/ issued by ……………………………. cấp ngày/ on ………../………… / …………………

3. Bên nhận bảo đảm/Secured party

- Tên/Full name:

- Địa chỉ/Address:

- Giấy tờ xác định tư cách pháp lý số/ Documents proving legal status No. …………………….. do/ issued by ……………………………. cấp ngày/ on ………../………… / …………………

4. Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã cấp/ Issued Certificate of sea-going ship type of security registration No. ……………………………………….

5. Tài sản bảo đảm bị xử lý/ Secured assets to be enforced

……………………………………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………………………………….

6. Phương thức xử lý/ Enforcement method

……………………………………………………………………………………………………………….

7. Thời gian xử lý/ Enforcement time

……………………………………………………………………………………………………………….

8. Địa điểm xử lý/ Enforcement location

……………………………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
|  | THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN  HEAD OF SHIP REGISTRY  (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu  Signature, full name, position and Stamp) |

Mẫu số 24

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……………………, ngày ………. tháng …….. năm …………..…..*

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ**  **BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG ĐỘNG SẢN KHÔNG PHẢI LÀ TÀU BAY, TÀU BIỂN, CHỨNG KHOÁN ĐÃ ĐĂNG KÝ TẬP TRUNG**  *(Ban hành kèm theo Nghị định sô…./2022/NĐ-CP ngày ../…2022 của Chính phủ)*  ***Kính gửi:* Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại**..................................................... | PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ |
| Số tiếp nhận:  Thời điểm tiếp nhận:  ***\_ \_***  *giờ* ***\_ \_***  *phút, ngày* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_***  Người tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*: |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.** **Thông tin chung** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1 Người yêu cầu đăng ký (\*): | | | | | | |  | |  | | | | | | |
| Bên bảo đảm | | | | | Bên nhận bảo đảm | | | | Chủ thể khác  Người được uỷ quyền | | | | | | |
| 1.2. Mã số sử dụng CSDL về biện pháp bảo đảm *(nếu có)*: .................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.3. Nhận kết quả đăng ký: | | | | | | Trực tiếp tại cơ quan đăng ký  Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận):*    Cách thức khác*(sau khi thỏa thuận với cơ quan đăng ký):* | | | | | | | | | |
| 1.4 Yêu cầu cung cấp thông tin có xác nhận của cơ quan đăng ký | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.5. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:  Họ và tên: ..........................................................Số điện thoại: ............................Thư điện tử: ............................... | | | | | | | | | | | | | | | |
| **2.** **Bên bảo đảm**  Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)* (\*)  Địa chỉ (\*)  CMND/Căn cước công dân Hộ chiếu /Giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu  Mã số thuế  Giấy tờ khác: .....................................................................................................................................................  Số (\*) do cấp ngày / / | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | | | | | | | |
| **3.** **Bên nhận bảo đảm**  Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)* (\*)  Địa chỉ (\*)  CMND/Căn cước công dân Hộ chiếu /Giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu  Mã số thuế  Giấy tờ khác: .....................................................................................................................................................  Số (\*) ...................................do..........................cấp ngày.........../................/........................................................ | | | | | | | | | | | | | | | |
| **4. Mô tả tài sản bảo đảm**(\*)  4.1. Áp dụng đối với mọi loại tài sản bảo đảm: | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4.2. Mô tả tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới theo số khung của phương tiện (nếu kê khai tại điểm này thì không kê khai tại điểm 4.1): | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | **TT** | | **Loại phương tiện**  **giao thông cơ giới, nhãn hiệu** | **Biển số** | | | | **Số khung**(\*) | | **Số máy** | **Ghi chú** | | | |  |
|  | |  |  | | | |  | |  |  | | | |
|  | |  |  | | | |  | |  |  | | | |
|  | |  |  | | | |  | |  |  | | | |
|  | |  |  | | | |  | |  |  | | | |
|  | |  |  | | | |  | |  |  | | | |
| 4.3. Mô tả tài sản bảo đảm là quyền tài sản không bao gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu tài sản khác, quyền khác phải đăng ký đối với tàu bay, tàu biển theo quy định của pháp luật về hàng không, hàng hải (nếu kê khai tại điểm này thì không kê khai tại điểm 4.1)  - **Tên quyền**(\*):  - **Căn cứ pháp lý phát sinh quyền** (\*): | | | | | | | | | | | | | | | |
| **5.** **Hợp đồng bảo đảm** (\*)  Số:....................................................................; thời điểm có hiệu lực ngày ........... tháng ............ năm............. | | | | | | | | | | | | | | | |
| **6.** | | **Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có:** | | | | | | | | | | ***Người tiếp nhận***  ***kiểm tra*** | | | |
|  | |  | | | | | | | | | |  | | | |
|  | |  | | | | | | | | | |  |  |  | |
|  | | *Văn bản có nội dung ủy quyền* gồm …..….. trang | | | | | | | | | |  |  |  | |
|  | | *Hợp đồng bảo đảm* gồm …..….. trang | | | | | | | | | |  |  |  | |
|  | |  | | | | | | | | | |  |  |  | |
|  | | *Chứng từ nộp phí đăng ký, phí yêu cầu cung cấp thông tin*  *Giấy tờ chứng minh trường hợp không phải nộp phí đăng ký* | | | | | | | | | |  |  |  | |
|  |
|  | |  | | | | | | | | | |  |  |  | |
| ***Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu đăng ký này là trung thực, phù hợp với thoả thuận của các bên tham gia biện pháp bảo đảm, đồng ý công khai thông tin và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.*** | | | | | | | | | | | | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| BÊN BẢO ĐẢM  **(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC** **ỦY QUYỀN)**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)* | BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/CHỦ THỂ KHÁC  **(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC** **ỦY QUYỀN)**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)* |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI**

**1. Hướng dẫn chung**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn.

c) Bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*) ; không bắt buộc kê khai tại các mục còn lại.

d) Tại điểm 1.2: Nếu người yêu cầu đăng ký đã được cấp Mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về đăng ký biện pháp bảo đảm thì phải kê khai Mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về đăng ký biện pháp bảo đảm do Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm cấp.

đ) Tại điểm 1.3: Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu vào một trong ba ô vuông tại điểm này hoặc đánh dấu vào ô vuông “Qua đường bưu điện”, nhưng không kê khai về tên và địa chỉ người nhận thì kết quả đăng ký được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký.

e) Trường hợp Biểu mẫu số 20 không đủ để kê khai thông tin về bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm, tài sản bảo đảm thì người yêu cầu đăng ký lập thêm Trang bổ sung để kê khai tiếp.

**2. Kê khai tại mục 2 và mục 3**

a) Trường hợp là cá nhân: Kê khai thông tin về họ tên, địa chỉ nơi thường trú hoặc nơi cư trú khác phù hợp với quy định của pháp luật, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số của giấy tờ khác (số giấy chứng minh được cấp theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng đối với công dân Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu đối với người nước ngoài.

b) Trường hợp là tổ chức: Kê khai thông tin về tên, địa chỉ trụ sở; mã số thuế hoặc số của giấy tờ khác (giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức là doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký (nếu có) đối với tổ chức khác).

Trường hợp pháp nhân thực hiện việc đăng ký thông qua chi nhánh của pháp nhân thì thực hiện việc kê khai thông tin của chi nhánh.

Trường hợp tổ chức là tổ chức tín dụng thì bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngân hàng.

c) Trường hợp bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm là cá nhân, tổ chức mang quốc tịch nước ngoài hoặc được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài thì kê khai theo thông tin về họ, tên nếu là cá nhân, tên, địa chỉ trụ sở nếu là tổ chức đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

**3. Kê khai tại mục 4** **- Tài sản bảo đảm**

a) Trường hợp có nhiều tài sản bảo đảm khác nhau, nhưng có thể mô tả chung theo tính chất, đặc điểm của các tài sản đó thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn mô tả chung về những tài sản đó hoặc mô tả chi tiết về từng tài sản.

b) Đối với tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới:

Trường hợp tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới có số khung là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh của bên bảo đảm hoặc là tài sản hình thành trong tương lai; tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới không có số khung thì mô tả tại điểm 4.1 *(ví dụ: toàn bộ các phương tiện giao thông cơ giới tại Cửa hàng X; 01 chiếc xe ô tô Ford màu trắng là tài sản hình thành trong tương lai của ông Nguyễn Văn X...)*

­**4.** **Kê khai tại mục 5**: Mỗi phiếu yêu cầu chỉ đăng ký cho một biện pháp bảo đảm hoặc hợp đồng bảo đảm (một hợp đồng bảo đảm và các phụ lục của hợp đồng đó, nếu có).

Mẫu số 25

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……………………, ngày ………. tháng …….. năm …………..…..*

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ**  **THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐÃ**  **ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG ĐỘNG SẢN KHÔNG PHẢI TÀU BAY, TÀU BIỂN, CHỨNG KHOÁN ĐÃ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ TẬP TRUNG ĐÃ ĐĂNG KÝ**  *(Ban hành kèm theo Nghị định sô…./2022/NĐ-CP ngày ../…2022 của Chính phủ)*  ***Kính gửi:*Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại *...*** | PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ |
| Số tiếp nhận: Thời điểm tiếp nhận:  ***\_ \_***  *giờ****\_ \_*** *phút, ngày* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_***  Người tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*: |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ➊ **Thông tin chung** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.1. Người yêu cầu đăng ký (\*): | | | | | | |  | | | | |  | | | | | |
| Bên bảo đảm | | | | | | | Bên nhận bảo đảm/Chủ thể khác | | | | | Người được ủy quyền | | | | | |
| 1.2. Mã số sử dụng CSDL về biện pháp bảo đảm *(nếu có)*:.................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.3. Nhận kết quả đăng ký (\*): | | | | | | | Trực tiếp tại cơ quan đăng ký, hoặc  Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận):* | | | | | | | | | | |
| Cách thức khác *(sau khi thỏa thuận với cơ quan đăng ký):* .................................................................................................................................................................................. | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1.4. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:  Họ và tên:............................. Số điện thoại:........................ Thư điện tử:............................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ➋ **Biện pháp bảo đảm đã đăng ký** (\*)  Số đăng ký:.............................................................................................................................................................. | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ➌ **Nội dung thay đổi** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3.1. Nội dung yêu cầu thay đổi (\*): | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | |  | | Thay đổi thông tin về một hay các bên: *Kê khai tiếp tại điểm 3.4* | | | | | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | |  | | Thay đổi một hay các bên (thay thế, bổ sung hoặc rút bớt): *Kê khai tiếp tại điểm 3.3 và/hoặc điểm 3.4* | | | | | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | |  | | Thay đổi tài sản (rút bớt/bổ sung tài sản mà không ký HĐ mới): *Kê khai tiếp tại điểm 3.2 và/hoặc điểm 3.4* | | | | | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | |  | | Bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm: *Kê khai tiếp tại điểm 3.4* | | | | | | | | | | | | | |
|  | |  | |  | | | | | |  |  | | | | | | |
|  | |  | | Thay đổi các nội dung khác đã đăng ký: *Kê khai tiếp tại điểm 3.4* | | | | | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3.2. Kê khai thay đổi liên quan đến phương tiện giao thông cơ giới được mô tả theo số khung: | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | **TT** | | | | **Loại phương tiện giao thông cơ giới, nhãn hiệu** | **Số máy** | | **Biển số** | **Số khung** (\*) | | | | **Ghi chú** (\*)  *(Là tài sản mới bổ sung, hay rút bớt)* | | | | |
|  | | | |  |  | |  |  | | | |  | | | | |
|  | | | |  |  | |  |  | | | |  | | | | |
|  | | | |  |  | |  |  | | | |  | | | | |
|  | | | |  |  | |  |  | | | |  | | | | |
|  | | | |  |  | |  |  | | | |  | | | | |
|  | | | |  |  | |  |  | | | |  | | | | |
|  |  | | | |  |  | |  |  | | | |  | | | | |
|  |  | | | |  |  | |  |  | | | |  | | | | |
|  |  | | | |  |  | |  |  | | | |  | | | | |
|  |  | | | |  |  | |  |  | | | |  | | | | |
|  | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3.3. Kê khai bên tham gia biện pháp bảo đảm mới *(do thay thế, bổ sung)*:  Bên bảo đảm; Bên nhận bảo đảm | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)*    Địa chỉ    CMND/Căn cước công dân Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu Mã số thuế Giấy tờ khác: .....................................................................................................................................  Số do cấp ngày / / | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3.4. Kê khai nội dung thay đổi khác  ............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | ➍ **Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có:** | | | | | | | | | | | | | | ***Người tiếp nhận***  ***kiểm tra*** | | |
|  |  | | | | | | | | | | | | | |  | | |
|  | *Văn bản có nội dung ủy quyền* gồm …..….. trang | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |
|  | *Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm/văn bản khác* gồm …..….. trang | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |
|  |  | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |
|  | *Chứng từ nộp phí đăng ký*  *Giấy tờ chứng minh trường hợp không phải nộp phí đăng ký* | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |
|  |
|  | | |  | | | | | | | | | | |  | | | |
| ➎ ***Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu đăng ký này là trung thực, đồng ý công khai và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.*** | | | | | | | | | | | | | | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| BÊN BẢO ĐẢM  **(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC** **ỦY QUYỀN)**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)* | BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/CHỦ THỂ KHÁC  **(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC** **ỦY QUYỀN)**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)* |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI**

**1. Hướng dẫn chung**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn.

c) Bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*) ; không bắt buộc kê khai tại các mục còn lại.

d) Tại điểm 1.2: Nếu người yêu cầu đăng ký đã được cấp Mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm thì phải kê khai mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm do Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm cấp.

đ) Tại điểm 1.3: Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu vào một trong ba ô vuông tại điểm này hoặc đánh dấu vào ô vuông “Qua đường bưu điện”, nhưng không kê khai về tên và địa chỉ người nhận thì kết quả đăng ký được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký.

e) Trường hợp Biểu mẫu số 21 không đủ để kê khai thì người yêu cầu đăng ký lập thêm Trang bổ sung để kê khai tiếp.

**2. Kê khai tại mục 2 - Biện pháp bảo đảm đã đăng ký:** Kê khai về số đăng ký của biện pháp bảo đảm đã đăng ký do cơ quan đăng ký cấp.

**3. Kê khai tại mục 3 - Nội dung thay đổi**

3.1. Tại điểm 3.1: Đánh dấu vào ô vuông tương ứng với nội dung yêu cầu thay đổi.

3.2. Thay đổi tên, số của một trong các loại giấy tờ của một hay các bên (thay đổi theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ví dụ: thay đổi do sáp nhập hoặc chia tách doanh nghiệp, thay đổi ngành nghề kinh doanh... ): Kê khai về tên và số số của một trong các loại giấy tờ của bên đó theo đúng nội dung đã đăng ký, đồng thời kê khai về tên hoặc (và) số giấy tờ được thay đổi tại điểm 3.4. *(Ví dụ: Nguyễn Văn A, số CMND 123. Yêu cầu thay đổi số CMND là 234 hoặc yêu cầu thay đổi tên là Nguyễn Văn B).*

3.3. Thay đổi về các bên:

a) Nếu nội dung thay đổi là rút bớt bên tham gia biện pháp bảo đảm thì chỉ phải kê khai tên của bên bị rút bớt tại điểm 3.4, theo đúng nội dung đã đăng ký.

b) Nếu nội dung thay đổi là thay thế hoặc kế thừa bên tham gia biện pháp bảo đảm thì phải kê khai tên của bên bị thay thế hoặc kế thừa tại điểm 3.4, theo đúng nội dung đã đăng ký; đồng thời phải kê khai đầy đủ thông tin về bên thay thế hoặc kế thừa tại điểm 3.3.

c) Nếu nội dung thay đổi là bổ sung bên tham gia biện pháp bảo đảm thì phải kê khai đầy đủ thông tin về bên bổ sung tại điểm 3.3.

Việc kê khai về bên thay thế hoặc kế thừa, bên bổ sung thực hiện theo hướng dẫn tại các điểm a, b và c mục 2 phần Hướng dẫn kê khai của Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm (Biểu mẫu số 20).

3.4. Thay đổi tài sản:

a) Nếu nội dung thay đổi là rút bớt tài sản bảo đảm (rút một hoặc một số tài sản bảo đảm) thì kê khai về tài sản rút bớt theo đúng nội dung đã đăng ký về tài sản. Nếu tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới và được mô tả theo số khung của phương tiện trong biện pháp bảo đảm đã đăng ký thì mô tả về tài sản rút bớt tại điểm 3.2. Nếu tài sản bảo đảm là tài sản khác và phương tiện giao thông cơ giới, nhưng không được mô tả theo số khung của phương tiện trong biện pháp bảo đảm đã đăng ký thì mô tả về tài sản rút bớt tại điểm 3.4.

b) Nếu nội dung thay đổi là bổ sung tài sản bảo đảm thì mô tả về tài sản bổ sung theo quy định tại Điều 47 Nghị định số.... ngày.... tháng.... năm 2022

Trong trường hợp mô tả chi tiết tài sản bổ sung là phương tiện giao thông cơ giới theo số khung thì mô tả về phương tiện tại điểm 3.2.

c) Ghi rõ nội dung thay đổi là rút bớt hay bổ sung tại cột Ghi chú, nếu mô tả về tài sản thay đổi tại điểm 3.2; tại phần mô tả về tài sản thay đổi, nếu mô tả về tài sản thay đổi tại điểm 3.4.

3.5. Thay đổi các nội dung khác: Kê khai đồng thời về nội dung cần thay đổi và nội dung thay đổi tại điểm 3.4.

Mẫu số 26

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……………………, ngày ………. tháng …….. năm …………..…..*

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG ĐỘNG SẢN KHÔNG PHẢI LÀ TÀU BAY, TÀU BIỂN, CHỨNG KHOÁN ĐÃ ĐĂNG KÝ TẬP TRUNG**  ***Kính gửi:* Trung tâm Đăng ký giao dịch,**  **tài sản tại** | PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ |
| Số tiếp nhận: Thời điểm tiếp nhận:  ***\_ \_***  *giờ* ***\_ \_***  *phút, ngày* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_***  Người tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*: |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **1.** **Thông tin chung** | | | |
| 1.1. Người yêu cầu (\*): |  |  | |
| Bên bảo đảm | Bên nhận bảo đảm | Chủ thể khác | |
| Người nhận chuyển giao tài sản bảo đảm | Cơ quan thi hành án dân sự | Người được uỷ quyền | |
|  |  |  | |
| 1.2. Nhận kết quả đăng ký: | Trực tiếp tại cơ quan đăng ký, hoặc  Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận):* ... | | |
| .  Cách thức khác *(sau khi thỏa thuận với cơ quan đăng ký):* | | | |
| 1.3. Mã số sử dụng CSDL về biện pháp bảo đảm *(nếu có)*: ...................................................................................... | | | |
| 1.4. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:  Họ và tên:  Số điện thoại:........................................................... Thư điện tử:.............................................................................. | | | |
| **2.** **Biện pháp bảo đảm đã đăng ký** (\*)  Số đăng ký: .. | | | |
| **3.** **Căn cứ xóa đăng ký:** ........................................................................................................................................... | | | |
| **4.** **Kèm theo đơn yêu cầu gồm có:** | | | ***Người tiếp nhận kiểm tra*** |
| *Văn bản ủy quyền* gồm …..….. trang | | |  |  |  | |
| *Chứng từ nộp phí* | | |  |
| *Giấy tờ chứng minh trường hợp không phải nộp phí xóa đăng ký* | | |  |
| *Biên bản thanh lý hợp đồng, văn bản giải chấp, văn bản thể hiện sự đồng ý của bên nhận bảo đảm về việc xóa đăng ký* | | |  |
| *Văn bản xác nhận kết quả xử lý tài sản bảo đảm của Cơ quan Thi hành án dân sự hoặc người xử lý tài sản bảo đảm khác* | | |  |
| ➎ ***Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong đơn yêu cầu này là trung thực, đầy đủ, đồng ý công khai và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.*** | | | |  | |  | |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| BÊN BẢO ĐẢM  **(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC** **ỦY QUYỀN)**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)* | BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/CHỦ THỂ KHÁC  **(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC** **ỦY QUYỀN)**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)* |

**HUỚNG DẪN KÊ KHAI**

**1. Hướng dẫn chung**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn.

c) Bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*) ; không bắt buộc kê khai tại các mục còn lại.

d) Tại điểm 1.2: Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu vào một trong ba ô vuông tại điểm này hoặc đánh dấu vào ô vuông “Qua đường bưu điện”, nhưng không kê khai về tên và địa chỉ người nhận thì kết quả đăng ký được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký.

**2. Kê khai tại mục 2 - Biện pháp bảo đảm đã đăng ký:** Kê khai về số đăng ký của biện pháp bảo đảm đã đăng ký do cơ quan đăng ký cấp.

Mẫu số 27

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| *........., ngày…tháng…năm......* |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ VĂN BẢN THÔNG BÁO VỀ VIỆC XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM** *(Ban hành kèm theo Nghị định sô…./2022/NĐ-CP ngày ../…2022 của Chính phủ)*  ***Kính gửi:* Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại………………………………..** | **PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ** |
| Số tiếp nhận:  Thời điểm tiếp nhận: *\_ \_ giờ\_ \_ phút, ngày \_ \_ \_ /\_ \_ \_ /\_ \_ \_*  Người tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*: |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Thông tin chung** | | | | | |
| 1.1. Người yêu cầu(\*): | | | | | |
| □ Bên nhận bảo đảm | □ Chủ thể khác | | | | □ Người được ủy quyền |
| Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)* (\*)  Địa chỉ (\*)  CMND/Căn cước công dân Hộ chiếu /Giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu  Mã số thuế  Giấy tờ khác: .....................................................................................................................................................  Số (\*) ...................................do..........................cấp ngày.........../................/........................................................  1.2. Mã số sử dụng CSDL về biện pháp bảo đảm *(nếu có)*:…………………………………………… | | | | | |
| 1.3. Nhận kết quả đăng ký: | □ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký | | | | |
| □ Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận)*: ……................................................................................ | | | | |
|  | | | | |
| □ cách thức khác *(sau khi thỏa thuận với cơ quan đăng ký)*:…………. | | | | |
| 1.4. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết: | | | | | |
| Họ và tên:………………………………………………………………………………………………… | | | | | |
| Số điện thoại:……………………………………… | | | Thư điện tử:…………………………………… | | |
| **2.** **Bên bảo đảm**  Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)* (\*)  Địa chỉ (\*)  CMND/Căn cước công dân Hộ chiếu /Giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu  Mã số thuế  Giấy tờ khác: ...............................................................................................................................  Số (\*) do cấp ngày / / | | |  | | |
|  | | | | | |
| **3. Tài sản bảo đảm bị xử lý theo Hợp đồng bảo đảm số……, ngày…..tháng…..năm….**(\*) , **Số đăng ký (nếu có)……** | | | | | |
| 3.1 □ Xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm  3.2 □ Xử lý một phần tài sản bảo đảm, gồm: | | | | | |
| Mô tả tài sản bị xử lý  ……………………………………………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………………………………………..  …………………………………………………………………………………………………………….. | | | | | |
| Mô tả tài sản bị xử lý là phương tiện giao thông cơ giới theo số khung:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Loại phương tiện; nhãn hiệu** | **Biển số** | **Số khung (\*)** | **Số máy** | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | | | | | | |
| 3.3. Phương thức xử lý (\*)………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………………..  3.4. Ngày xử lý (\*):………………………………………………………………………………………  3.5. Địa điểm xử lý (\*)…………………………………………………………………………………… | | | | | |
| **4. Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có:** | | | | ***Người tiếp nhận kiểm tra*** | |
| *Trang bổ sung số 01* | | gồm…trang | | □ | |
| *Trang bổ sung số số 02* | | gồm…trang | | □ | |
| *Trang bổ sung số 03* | | gồm…trang | | □ | |
| *Văn bản uỷ quyền (nếu có)* | | | | □ | |
|  | | | |  | |
| **5.*Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong đơn yêu cầu đăng ký này là trung thực, đầy đủ và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai*** | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/CHỦ THỂ KHÁC (HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)** *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)* |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI**

**1. Hướng dẫn chung**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu; phải kê khai tại các mục còn lại.

d) Tại điểm 1.2: Nếu người yêu cầu đăng ký đã được cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm thì phải kê khai mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm do Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm cấp.

đ) Tại điểm 1.3: Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu vào một trong ba ô vuông tại điểm này hoặc đánh dấu vào ô vuông “Qua đường bưu điện”, nhưng không kê khai về tên và địa chỉ người nhận thì kết quả đăng ký được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký.

e) Nếu có nhiều bên nhận bảo đảm hoặc chủ thể khác cùng yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm thì sử dụng Trang bổ sung số 01 để kê khai.

**2. Kê khai tại mục 1 và mục 2**

a) Trường hợp là cá nhân: Kê khai thông tin về họ tên, địa chỉ nơi thường trú hoặc nơi cư trú khác phù hợp với quy định của pháp luật, số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số của giấy tờ khác (số giấy chứng minh được cấp theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng đối với công dân Việt Nam); số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu đối với người nước ngoài.

b) Trường hợp là tổ chức: Kê khai thông tin về tên, địa chỉ trụ sở; mã số thuế hoặc số của giấy tờ khác (giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức là doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký (nếu có) đối với tổ chức khác).

Trường hợp pháp nhân thực hiện việc đăng ký thông qua chi nhánh của pháp nhân thì thực hiện việc kê khai thông tin của chi nhánh.

Trường hợp tổ chức là tổ chức tín dụng thì bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngân hàng.

c) Trường hợp bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm là cá nhân, tổ chức mang quốc tịch nước ngoài hoặc được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài thì kê khai theo thông tin về họ, tên nếu là cá nhân, tên, địa chỉ trụ sở nếu là tổ chức đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

**3. Kê khai tại mục 3 - Tài sản bảo đảm bị xử lý**

a) Đánh dấu vào ô vuông tại điểm 3.1 hoặc điểm 3.2 để xác định yêu cầu xử lý toàn bộ hay một phần tài sản bảo đảm.

b) Trong trường hợp yêu cầu xử lý một phần tài sản bảo đảm (điểm 3.2) thì phải kê khai về phần tài sản bị xử lý.

c) Nếu phần “Mô tả tài sản bị xử lý” không đủ thì sử dụng Trang bổ sung số 02 hoặc Trang bổ sung số 03 để tiếp tục mô tả về tài sản bị xử lý.

Mẫu số 28

**Danh mục số đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ** |
|  | ***Phụ lục này là một phần gắn liền với Phiếu yêu cầu đăng ký số:………………*** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Số đăng ký(\*)** | **Ghi chú** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI KÊ KHAI** *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

Mẫu số 29

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| *........., ngày…tháng…năm......* |

**VĂN BẢN CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG ĐỘNG SẢN KHÔNG PHẢI LÀ TÀU BAY, TÀU BIỂN, CHỨNG KHOÁN ĐÃ ĐĂNG KÝ TẬP TRUNG**

**TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH, TÀI SẢN TẠI ……………  
CHỨNG NHẬN**

**1.** Nội dung đăng ký của phiếu yêu cầu đăng ký số …………..đã được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm; thời điểm cập nhật ..... giờ ……phút, ngày ……. tháng ……. năm ……… và được Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản gửi kèm theo Văn bản chứng nhận.

**2.** Bên nhận bảo đảm: ……………

……………

- Địa chỉ: ……………

……………

**3.** Bên bảo đảm: ……………

……………

- Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý số: ……………………………………………………….

**4.** Mã Pin: ……………

***(Người yêu cầu đăng ký hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc bảo mật thông tin liên quan đến mã Pin do cơ quan đăng ký cấp).***

|  |  |
| --- | --- |
|  | **GIÁM ĐỐC** *(Ký tên, đóng dấu)* |

Mẫu số 30

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*…………, ngày ………. tháng …….. năm ………*

**Socialist Republic of vietnam**

Independence - Freedom - Happiness

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*………, day ………. month …….. year ………*

**PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY**

**APPLICATION FORM FOR INFORMATION PROVISION ON AIRCRAFT TYPE OF SECURITY**

***Kính gửi/ To:* Cục Hàng không Việt Nam/ Civil Aviation Authority of Vietnam**

|  |
| --- |
| ➊ **Hình thức nhận thông tin/ Form of information receipt** |
| Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/ Directly at the registry  Qua đường bưu điện *(theo tên và địa chỉ kê khai tại mục* ➋ *Phiếu này)/* By post *(under name and address completed at item* ➋ *of this application)* |
| ➋ **Người yêu cầu cung cấp thông tin/ Applicant**  2.1. Tên đầy đủ: *(viết chữ IN HOA)/* Full name *(write in CAPITAL LETTER)*    2.2. Địa chỉ/ Address  2.3. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ (\*)/ Information on contact person when necessary during dealing with records (\*)  Họ và tên/ Full name ....................................................................................................................  Số điện thoại/ Tel.......................................... Thư điện tử/ Email............................................... |
| ➌ **Nội dung yêu cầu cung cấp thông tin/** Requested contents on information provision | |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN APPLICANT**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)*  *Signature, full name, position and stamp (if any)* |
| PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRY ONLY | |
| Thời điểm tiếp nhận : ***\_ \_ \_***  *giờ* ***\_ \_ \_***  *phút, ngày* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_***  Time of application receiving: ***\_ \_ \_***  *hour* ***\_ \_ \_***  *minute, on* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_ \_***  Cán bộ tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)* / Receiver *(signature and full name)* | |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTION TO COMPLETION**

**1. Hướng dẫn chung/ General instructions**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*) ; phải kê khai tại các mục còn lại/ It is not compulsory to complete the items marked with (\*) ; it is required to complete the remaining items.

**2. Kê khai tại mục/ Complete in item** ➊, trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu vào một trong hai ô vuông tại điểm này thì kết quả cung cấp thông tin được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký/ In the case the applicant doesn't mark in one of boxes at this item, then results of information provision shall be given directly at the registry.

Mẫu số 31

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……………, ngày ………. tháng …….. năm ……….*

**Socialist Republic of vietnam**

Independence - Freedom - Happiness

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*………, day ………. month …….. year ………*

**PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN   
VỀ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN**

**APPLICATION FORM FOR INFORMATION PROVISION ON SEA-GOING SHIP TYPE OF SECURITY**

***Kính gửi/ To:* Tên cơ quan đăng ký/ Name of Registry**

|  |
| --- |
| ➊ **Hình thức nhận thông tin/ Form of information receipt** |
| Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/ Directly at the registry  Qua đường bưu điện *(theo tên và địa chỉ kê khai tại mục* ➋ *Phiếu này)/* By post *(under name and address completed at item* ➋ *of this application)* |
| ➋ **Người yêu cầu cung cấp thông tin/ Applicant**  2.1. Tên đầy đủ: *(viết chữ IN HOA)/* Full name *(write in CAPITAL LETTER)*    2.2. Địa chỉ/ Address  2.3. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ (\*)/ Information on contact person when necessary during dealing with records (\*)  Họ và tên/ Full name ....................................................................................................................  Số điện thoại/ Tel.......................................... Thư điện tử/ Email............................................... |
| ➌ **Nội dung yêu cầu cung cấp thông tin/ Requested contents on information provision** | |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN**  **APPLICANT**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có) Signature, full name, position and stamp (if any)* |
| PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRY ONLY | |
| Thời điểm tiếp nhận: ***\_ \_ \_***  *giờ* ***\_ \_ \_***  *phút, ngày* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_***  Time of application receiving: ***\_ \_ \_***  *hour* ***\_ \_ \_***  *minute, on* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_ \_***  Cán bộ tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)* / Receiver *(signature and full name)* | |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/ INSTRUCTION TO COMPLETION**

**1. Hướng dẫn chung/ General instructions**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa/ Contents for completion are clear, without erasure.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/ For completion with different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*) ; phải kê khai tại các mục còn lại/ It is not compulsory to complete the items marked with (\*) ; it is required to complete the remaining items.

**2. Kê khai tại mục/ Complete in item** ➊, trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu vào một trong hai ô vuông tại điểm này thì kết quả cung cấp thông tin được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký/ In the case the applicant doesn't mark in one of boxes at this item, then results of information provision shall be given directly at the registry.

Mẫu số 32

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……………………, ngày ………. tháng …….. năm …………..…..*

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG ĐỘNG SẢN KHÔNG PHẢI LÀ TÀU BAY, TÀU BIỂN, CHỨNG KHOÁN ĐÃ ĐĂNG KÝ TẬP TRUNG**  ***Kính gửi:* Trung tâm Đăng ký giao dịch,**  **tài sản tại** | PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ |
| Số tiếp nhận: Thời điểm tiếp nhận:  ***\_ \_***  *giờ* ***\_ \_***  *phút, ngày* ***\_ \_ \_ /\_ \_ \_ / \_ \_ \_ \_***  Người tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*: |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | | |
| **1.** **Người yêu cầu cung cấp thông tin**  1.1. Tên đầy đủ: *(viết chữ IN HOA)* (\*) ..  1.2. Địa chỉ (\*) .............................................................................................................................................................  1.3. Mã số sử dụng CSDL về biện pháp bảo đảm *(nếu có)*:.......................................................................................  1.4. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:  Họ và tên: .................................................Số điện thoại: ............................ Thư điện tử: ......................................... | | | | |
| **2.** **Yêu cầu cung cấp thông tin theo tên của bên bảo đảm là tổ chức nước ngoài:**  Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)* (\*)    Địa chỉ | | | | | |
| **3.** **Yêu cầu cung cấp thông tin theo giấy tờ xác định tư cách pháp lý của bên bảo đảm:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | CMND/CCCD/  CMQĐNDVN/CMQNCN/CMCNVCQP | Hộ chiếu | Số Thẻ thường trú | Mã số thuế/GCN đăng ký thành lập |   Số:............................................................................................................................................................................... | | | | | |
| **4.** **Yêu cầu cung cấp thông tin theo số khung của phương tiện giao thông cơ giới, phương tiện chuyên dùng** | | | | | |
| **5.** **Yêu cầu cung cấp thông tin theo số đăng ký biện pháp bảo đảm, đăng ký khác liên quan đến tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ:** ....................................................................................................... | | | | | |
| **6.** **Phương thức nhận kết quả cung cấp thông tin** | | | | | |
| Trực tiếp tại cơ quan đăng ký Qua đường bưu điện *(theo tên và địa chỉ kê khai tại mục* 1 *Phiếu này)*  Phương thức khác *(sau khi thỏa thuận với cơ quan đăng ký)*:................................................................................. | | | | | |
| **7.** | **Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có:** | ***Người tiếp nhận kiểm tra*** | | |
|  | *Chứng từ nộp phí cung cấp thông tin* |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN**  *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)* |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI**

**1. Hướng dẫn chung**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn.

c) Bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*) ; không bắt buộc kê khai tại các mục còn lại.

d) Tại **Mục** **6**, trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu lựa chọn phương thức nhận kết quả tại điểm này thì kết quả cung cấp thông tin được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký.

**2. Kê khai tại Mục 1 - Người yêu cầu cung cấp thông tin**

Tại điểm 1.2: Nếu người yêu cầu cung cấp thông tin đã được cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm thì phải kê khai mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm do Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm cấp.

|  |  |
| --- | --- |
|  | Mẫu số 33  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| *........., ngày…tháng…năm......* |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU YÊU CẦU CẤP BẢN SAO VĂN BẢN CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ** *(Ban hành kèm theo Nghị định sô…./2022/NĐ-CP ngày ../…2022 của Chính phủ)*  ***Kính gửi:…..*** | **PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ** |
| Số tiếp nhận:  Thời điểm tiếp nhận: *\_ \_ giờ\_ \_ phút, ngày \_ \_ \_ /\_ \_ \_ /\_ \_ \_*  Người tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*: |

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Phương thức nhận bản sao**  Trực tiếp tại cơ quan đăng ký  Qua đường bưu điện *(theo tên và địa chỉ kê khai tại mục 2 phiếu yêu cầu này)*  Cách thức khác *(sau khi thỏa thuận với cơ quan đăng ký):* | |
| **2. Người yêu cầu cấp bản sao**  2.1. Tên đầy đủ: *(viết chữ IN HOA)* (\*) …………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………….  2.3. Địa chỉ (\*)……………………………………………………………………………………………  2.3. Mã số sử dụng CSDL về biện pháp bảo đảm *(nếu có)* ………………………………………  2.4. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:  Họ và tên: …………………………………………………………………………………………………  Số điện thoại: …………………………………… Thư điện tử:……………………………………….. | |
| **3. Yêu cầu cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký (\*):**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TT** | **Số Giấy chứng nhận đăng ký/Số đăng ký** | **Số lượng bản sao yêu cầu cung cấp** | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | | |
| **4. Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có:** | ***Người tiếp nhận kiểm tra*** |
| *Chứng từ nộp phí cấp bản sao kết quả đăng ký* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***:*** | **NGƯỜI YÊU CẦU CẤP BẢN SAO** *Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)* |

**HƯỚNG DẪN KÊ KHAI**

**1. Hướng dẫn chung**

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn.

c) Bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (\*); không bắt buộc kê khai tại các mục còn lại.

**2. Tại phần Kính gửi:** Ghi rõ tên cơ quan đăng ký đã đăng ký biện pháp bảo đảm

**3. Tại mục 1 - Phương thức nhận bản sao**

Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu vào một trong ba ô vuông tại mục này thì bản sao được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký

**4. Tại mục 2 - Người yêu cầu cấp bản sao**

Trường hợp yêu cầu Trung tâm Đăng ký cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký và người yêu cầu đăng ký đã được cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm thì phải kê khai mã số sử dụng cơ sở dữ liệu do Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm cấp

**5. Tại mục 3 - Yêu cầu cấp bản sao kết quả đăng ký**

Kê khai tại các cột tương ứng, cụ thể: Kê khai về số đăng ký của kết quả đăng ký cần được cấp bản sao và số lượng bản sao cần được cung cấp.